

VÕ VĂN HOÈ

**TẬP TỤC
XỨ QUẢNG
THEO MỘT VÒNG ĐỜI**



Công làng xứ Quảng xưa

ĐÀ NẴNG 2006

**TẬP TỤC
XỨ QUẢNG**

**THEO
MỘT
VÒNG
ĐỜI**

VÕ VĂN HOÈ

**TẬP TỤC
XỨ QUẢNG**

**THEO MỘT
VÒNG ĐỜI**

ĐÀ NẴNG 2006

LỜI NÓI ĐẦU

Truyền thống tinh thần của người dân xứ Quảng là tinh túy, nằm trong hệ thống giá trị chung của người Việt. Khi nói đến giá trị văn hoá phải bàn đến nhiều lĩnh vực tinh thần của con người như văn học, mỹ học, phong tục, tập quán... của một dân tộc hoặc một vùng cư trú. Xứ Quảng từ thế kỷ thứ XV đến nay, trải qua nhiều thời kỳ phát triển thịnh suy đã nảy sinh ra nhiều thành tố mới trong tập tục theo một vòng đời con người, không tồn tại cố định mà đang trong tiến trình vận động không ngừng, yếu tố mới thường xuyên phủ nhận yếu tố cũ và khẳng định cái mới phù hợp với cuộc sống hiện thực, tạo điều kiện cho truyền thống văn hoá thăng hoa, phát triển.

Trên tinh thần đó, những yếu tố lạc hậu sẽ bị loại trừ, rơi rớt ra ngoài một vòng đời, không còn đóng vai trò thực tiễn trong bản phong tục, tập quán của người dân xứ Quảng. Vì vậy, không nhìn nhận những tập tục theo một vòng đời tồn tại ở xứ Quảng là cố định, ảnh hưởng lâu dài đến đời sống tinh thần, vật chất của mỗi người mà nhìn nhận các tập tục vận động không ngừng và phát triển. Chính thế, mới bàn đến tập tục xứ Quảng là cách góp phần ôn lại chuyện xưa, theo tinh thần “ôn cố tri tân”, hiểu về một tập tục đi liền theo một vòng đời đã một thời in dấu sâu đậm trong sinh hoạt tinh thần của mỗi người, mới tiếp tục đẩy mạnh, phát huy truyền thống tinh thần, xây

dựng một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, loại bỏ những tàn dư lạc hậu còn đang tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Phong tục, theo Từ điển Tiếng Việt là "thói quen xã hội của một địa phương, một nước". Do đó tìm hiểu phong tục theo một vòng đời con người để nhìn thấy ảnh hưởng của thói quen đến nếp sống mỗi người, thể hiện ra bên ngoài mà phương tiện biểu hiện là các hình thức tổ chức thực hành tập tục từ sinh đẻ, hôn nhân, lao động sản xuất, làm nhà, đến ma chay và các tập tục có yếu tố tâm linh khác trong hệ thống quan, hôn, tang, tế xưa nay còn để lại. Trong các tập tục đi liền một vòng đời có những thành tố phù hợp là nét đẹp tâm hồn con người, song cũng có những thành tố không phù hợp, không thúc đẩy cuộc sống vươn lên mà gây cản trở trong tư duy mỗi người làm hạn chế khi nhìn nhận và đánh giá hiện thực khách quan.

Nhìn nhận tập tục theo một vòng đời người dân xứ Quảng thời đại trước hiện còn ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, ở đây chỉ bàn trên bình diện **gắn với đời sống hằng ngày mà không bàn gắn liền với xã hội học, dân tộc học**. Nếu như căn cứ ở "Thọ Mai Gia lễ" về việc tang, mang tính xã hội học thì ở xứ Quảng đa số người dân không thể hiện đầy đủ các yếu tố trong tập tục như ghi ở Thọ Mai.

Trong tập tục việc tang nếu như điển lệ quy định cụ thể thì xứ Quảng đã tổ chức đơn giản hơn, họ không để người đã mất trong nhà quá lâu, không có dây rơm, mũ bạc, không phải để con cháu nằm sắp

hàng khi khiêng quan tài ngang qua người ra khỏi nhà trong lễ di quan.

Trong tập tục sinh hoạt gia đình như sinh đẻ nếu trước kia thực hiện rất chu đáo bao gồm các loại kiêng cử thì nay không cầu kỳ nữa. Tập tục sinh đẻ của mỗi người gắn liền với sinh hoạt thường ngày, nhẹ nhàng đơn giản và thực tế hơn.

Trong tập tục hôn nhân gia đình, điển lễ như lục lễ, coi mắt, ông mai bà mối đều không là vấn đề then chốt trong hôn nhân nữa. Quá trình tiến đến lễ nghinh đã lược bỏ đi nhiều công đoạn, nhiều lễ. Điều này thể hiện con người xứ Quảng không áp dụng vào tập tục những điển lễ cổ xưa không phù hợp mà đã chuyển hoá dần theo sự phát triển chung của xã hội, đặc biệt gắn với đời sống hằng ngày vẫn là đặc trưng cơ bản của tập tục theo một vòng đời con người xứ Quảng.

Tập tục theo một vòng đời của con người xứ Quảng có cái chung nhưng cũng có những thành tố riêng đặc trưng của mình, hình thành nên từ cơ sở thực tiễn. Chẳng hạn, trong sinh hoạt nông nghiệp có tục "Phong Lệ mục đồng, Giáng Đông hát vật", tập tục "Rước hén", lễ hội Tầm tang ở Duy Trinh, Duy Xuyên, ở các làng nghề Mã Châu, Thi Lai, Phú Bông... đã gắn liền với đời sống mỗi con người theo nghề và vùng địa lý, trên cơ sở đó làm xuất hiện những điệu hò, vè đi kèm. Đó là đặc trưng riêng phong phú, phản ánh cuộc sống tinh thần của người dân xứ Quảng. "Mục đồng, Đấu vật" chính là coi trọng nghề nông, coi trọng trẻ em chăn trâu, vị trí người nông dân dưới chế độ cũ đã được xem trọng,

được đề cao. “Tâm tang” chính là coi trọng nghề ương tơ dệt lụa, nghề dệt đã phát triển lâu đời trong một bộ phận nhân dân.

Tập tục xứ Quảng một mặt kế thừa những thành tố sẵn có của truyền thống xưa nay, mặt khác do cuộc sống thực tiễn làm nảy sinh những tập tục mới. Xuất phát từ cơ sở thực tiễn nên những phong tục, tập quán định hình có từ trước nay đã được thực hành một cách nhẹ nhàng hơn, loại bỏ những thành tố không phù hợp với thực tế cuộc sống đương đại. Bởi vì suy cho cùng, tập tục chính là thói quen xã hội của một địa phương, một nước, do đó địa phương nào có thói quen đó, kết hợp với tư tưởng triết lý bắt nguồn từ quan niệm dân gian địa phương có những điểm trùng hợp với quan niệm của tư tưởng Nho, Lão, Phật nên một chừng mức nhất định có ảnh hưởng đến tập tục xứ Quảng.

Quá trình giao lưu văn hoá Việt - Chăm, người xứ Quảng đã dần dần thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tiễn, tuy thế không phải “có mới nới cũ” mà họ luôn coi trọng và giữ lấy giá trị bản. Chính chỗ này cho thấy quá trình bỏ những thành tố cũ không còn hợp thời trong tập tục tỏ ra lâu dài. Vì vậy, trong mỗi thành tố vừa có cái chung, vừa có yếu tố riêng xuất hiện từ vùng đất mới. Để phát triển văn hoá lành mạnh, truyền thống, phù hợp với đời sống mới “không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: ta phải bỏ hết tính lười biếng tham lam. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi.

*Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: ta phải tương thân, tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước. Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm. Thí dụ: ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp”.*¹

Trong số những tập tục đi liền theo một vòng đời ở xứ Quảng có những thành tố hợp thời, lành mạnh mang giá trị truyền thống tinh thần quý giá, cần được tiếp tục duy trì trong cộng đồng người Quảng. Song còn có những tập tục đã lỗi thời cần được loại trừ khỏi bảng giá trị truyền thống, làm trong sáng thế giới khách quan, có như thế mới tạo nên một đời sống tinh thần phù hợp với sự phát triển của đô thị, góp phần làm cho con người xứ Quảng có phong cách sống văn hoá - văn minh, hiện đại.

Võ Văn Hoè

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, T. 5, Nxb CTQG, Hn. 1995, tr 91.

PHẦN THỨ NHẤT

**MỘT SỐ TẬP TỤC
THEO MỘT VÒNG ĐỜI**

CHƯƠNG MỘT

TỤC SINH ĐẼ VÀ NHỮNG KHÚC HÁT RU

Sinh đẻ là chuyện bình thường của một đời người phụ nữ nhưng cũng rất hệ trọng, không chỉ có sự biến đổi về mặt sinh lý trong thời gian mang thai mà sau đây còn cho ra đời một trẻ em cũng đồng nghĩa là đặt vào xã hội một con người với tất cả những nhu cầu vật chất và tinh thần, những buồn vui của một đời người. Nếu như sau khi sinh ra và lớn lên phát triển bình thường không bị tổn thương hoặc dị dạng, như thế cộng đồng, gia đình có thêm một thành viên với nhiều hoài bão và áp ủ biết bao hy vọng, nhưng nếu ngược lại thì đây là một thiệt thòi lớn mà trước hết là cho gia đình, sau đến cộng đồng xã hội có thêm một thành viên không trọn vẹn. Bây giờ đã là một tồn tại khách quan của xã hội cần được quan tâm, chăm sóc. Điều mà xã hội ngày nay gọi là trẻ em khuyết tật. Chính đó, người phụ nữ đang trong thời kỳ thai nghén là hết sức quan trọng.

Ngày xưa người Quảng sinh đẻ có phần khó khăn do các thành tựu trong ngành y học chưa cao, hoặc là y học đã có phát triển nhưng việc áp dụng vào quá trình sinh sản từ khi người phụ nữ mang thai đến khi sinh đẻ chưa nhiều và chưa đúng mức nên số người sinh ra thì nhiều song một bộ phận sau khi

sinh không tồn tại được do các loại bệnh tật tấn công vào trẻ. Tỷ lệ sinh thường không bằng tỷ lệ chết. Sở dĩ có vấn đề như thế là do ở chỗ từ thế kỷ thứ XV khi những lưu dân bạt núi, băng rừng vào nam khai cơ lập nghiệp, mở rộng đất đai về phương Nam, thời ấy thiên nhiên còn áp đảo con người. Hiện tượng thiên tai, các loại bệnh dịch vẫn thường tấn công vào cuộc sống và sức khỏe, bản thân những lưu dân vào vùng đất Quảng chỉ hai bàn tay trắng và một ít kinh nghiệm cổ truyền mang theo từ quê hương bản quán không đủ sức cứu chữa những trường hợp mắc phải các căn bệnh hiểm nghèo, làm suy kiệt sức khỏe. Thế nên, để giải thích và chế ngự các hiện tượng tự nhiên, bệnh tật, người dân trong vùng thường dựa vào hệ thống các lực lượng siêu nhiên và mong lực lượng này giúp đỡ. Chính đó, người xứ Quảng đã mượn các yếu tố siêu hình, mượn chức năng của các thần linh (tin là có như thế) để lý giải hoàn cảnh chung quanh trong tiến trình vươn lên xây dựng cuộc sống trên vùng đất mới của con người xứ Quảng. Vì vậy, khi một người chết đi được xem là yếu tố âm đã lấn lướt yếu tố dương (theo quan niệm âm thịnh dương suy), hoặc người chết không thể ở đời được nữa do các lực lượng thần linh quyết định theo cách nói “*Trời gọi ai nấy dạ*”. Con người vừa dựa vào lực lượng siêu nhưng đồng thời cũng đấu tranh lại với lực lượng này để tồn tại, xem như chính lực lượng siêu nhiên thường xuyên làm hại cuộc đời họ. Từ đấy làm nảy sinh mối quan hệ giữa người với lực lượng thần quyền dẫn đến hình thành một số tập tục mang yếu tố huyền bí mà người xứ Quảng thuở khai cơ lập nghiệp phải chấp nhận mà chưa thể nào giải thích được.

Việc sinh đẻ là ý thức sinh tồn, duy trì nòi giống của người xứ Quảng nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung, do vậy mà tập tục sinh đẻ gắn liền với một vòng đời mỗi người bao gồm một số tục lệ liên quan đến hài nhi và người mẹ, không chỉ về mặt sinh hoá mà còn về mặt tinh thần nữa. Do chưa thoát được quan niệm thần quyền, nên mọi thủ tục trong sinh đẻ phải xem chừng, cẩn trọng, kiêng cử. Điều này quan trọng, bởi lúc người phụ nữ nở nguy khai hoa cũng là lúc lấy hết sức bình sinh vượt cạn trong nỗi lo âu nhưng cũng rất vui mừng vì sự nhiệm màu của tạo hoá đã ban cho họ chức năng thiêng liêng này! Ngay khi người mẹ mang thai dân gian mách miệng rằng phải kiêng cử, chẳng hạn khi mang thai không đi trên mộ người chết... Trong hàng loạt các loại kiêng cử đi kèm, có kiêng cử mang yếu tố khoa học song lại giải thích dưới dạng duy tâm, có loại kiêng cử hoàn toàn không có tác dụng đến quá trình nuôi dưỡng thai nghén đã nhuộm màu thần linh huyền bí. Và, những kiêng cử cho người mẹ xem chừng vẫn chưa thoả đáng, lại chuyển sang cho người cha khi mẹ đang trong thời kỳ mang thai. Có thể thấy một bộ phận người chồng trong vùng khi vợ mang thai, người chồng kiêng cắt tiết gà, vịt, các loại động vật khác sẽ ảnh hưởng không tốt đến đứa con về sau. Khi thai càng lớn, nhiều tháng tuổi, các hoạt động lao động và những công việc khác của người mẹ có phần nhẹ nhàng hơn, thích hợp hơn với quá trình lớn lên của thai nhi. Nghĩa là phải thể hiện sao cho có đức (đức ông chồng) cho con được tròn vẹn, mẹ tròn con vuông. Người xứ Quảng còn phải dặn dò chu đáo những người mẹ, người cha trẻ rằng “*con gái nhờ phước cha, con trai nhờ phước mẹ*”. Xét cho cùng đây cũng chỉ là thói quen xã hội được lặp đi lặp lại nhiều lần mà

hình thành nên tạo ra trong tập tục sinh đẻ của người phụ nữ xứ Quảng có nhiều ràng buộc từ khi mang thai đến lúc hài nhi tròn một tháng, có vùng còn kéo dài đến lúc thôi nôi.

Khi vợ đã mang thai, người chồng chọn tháng lẻ và một ngày lẻ nào đó làm lễ *đơm lễ* cho con. Thường người ta chọn tháng thứ ba sau khi mang thai. Trong lễ đơm lễ, người Quảng dùng một in xôi đầy đặn (dùng hai chén xôi úp lại), đoạn dùng một cây tre vót thành một cái hoa, cắm hoa ấy vào in xôi đặt trên bàn độc giữa nhà, có cả trầu cau rượu, hương hoa trà quả cáo với ông bà tiên tổ. Đôi khi có dùng một bài văn đọc trong giờ hành lễ. Đơm lễ là hình thức cầu xin ông bà tiên tổ, mười hai bà mụ phù hộ, giúp cho đứa bé trong bào thai phát triển bình thường, đúng ngày đúng tháng “nở nhụy khai hoa”. Nay, tục đơm lễ được bỏ dần khỏi tập tục sinh đẻ của người xứ Quảng.

1. Những kiêng cử trước khi sinh:

Trong 9 tháng 10 ngày mang thai, người phụ nữ kiêng không bước lên mộ người đã chết, nếu không, e rằng làm phật ý hồn khôn với người đã qua đời, bị họ quở trách gây ảnh hưởng đến đứa con của mình. Hơn thế, đây cũng là hình thức khuyến răn người đang mang thai không vì đường xá xa xôi mà băng ngang đường cho tiện qua những nơi có mộ đất gồ ghề, huỳnh mã,² đường đi không bằng phẳng, nguy hại đến thân mình. Như thế là cách nhắc nhở và cảnh báo với tinh thần “*Phước bất trùng lai họa vô đơn chi*”.

² **Huỳnh mã:** (phương ngữ) là một mô đất vòng chung quanh mộ người chết, phía trước nhô lên được đắp xoáy hình tròn ốc.

Trong suốt thời gian mang thai nhi trong người, người mẹ tương lai không bước qua những sợi dây giăng ngang đường, những bụi cây hoặc không bước ngang qua đàn kiến đang duy chuyển. Muốn bước ngang qua những sợi dây và đàn kiến kia phải dùng chân giẫm lên để vượt qua, đè sợi dây xuống, có như vậy mới đúng phép của những người "bụng mang dạ chửa", mới bảo vệ được thai nhi, tránh những rủi ro có thể xảy ra nếu không cẩn thận trong đi đứng. Chính đó dân gian có câu:

*Đi đâu mà vội mà vàng
Mà vấp phải đá mà quàng phải dây,*

là nhằm nhắc nhở những người mẹ trẻ tương lai nên cẩn thận gìn mình giữ ngọc.

Khi đang thời thai nghén, người phụ nữ không nên bước vào chuồng bò, chuồng trâu sợ e thời kỳ thai nghén kéo dài quá mức tự nhiên, có hại đến tâm thân. Thực tế ở thôn quê người ta nuôi trâu bò để dùng làm sức kéo trong sản xuất nông nghiệp và lấy phân bón ruộng, hoa màu, người đang có thai bước vào chuồng trâu, bò, do sơ ý bị chúng chèn ngã, hoặc húc nhằm, như thế là nguy hiểm cho tính mạng cả mẹ lẫn con. Vì thế dân gian mách rằng không nên đến gần, hoặc bước vào chuồng trâu bò nhằm tránh bớt "tai họa" bất ngờ là vậy.

Thế rồi suốt trong chín tháng mười ngày khi đi trên đường, hoặc bất kỳ đâu cũng không nên để cho đuôi bò, đuôi trâu đánh nhằm. Dân gian quan niệm rằng nếu để đuôi trâu, đuôi bò đánh vào người thì thời gian từ khi bị đánh đến lúc

sinh nở thường mệt mỏi, hơn thế, lúc sinh sẽ khó nhọc, gây phiền hà cho bà mẹ. Thực tế, điều này cũng là cách khắc sâu ấn tượng cho người mẹ trẻ tương lai rằng không nên đến gần trâu bò sẽ dễ bị chèn ngã, nguy hiểm cho thai nhi và tính mạng của mình.

Khi đang thời kỳ mang thai ghen người mang thai không được đứng để ăn cơm. Muốn ăn phải ngồi. Trong một bữa cơm, thường, người phụ nữ có thai bỏ đĩa đứng lên trước mọi người. Chỗ này dân gian quan niệm rằng nếu đứng lên sau, đến thời kỳ sinh đẻ không được nhanh nhẹn mà chậm chạp, sinh lâu. Thực tế khi có thai đứng lâu có ảnh hưởng đến hệ tuần hoàn, tim mạch và các biến đổi sinh hoá khác nên quan niệm dân gian khuyên người mang thai nên kiêng cử. Trong cuộc sống hiện nay, khi đã có sự chuẩn bị về sức khỏe, các điều kiện khác để có thể sinh con, để cái người phụ nữ vẫn có thể đi bộ một quãng đường cần thiết nhưng càng dần về ngày sinh nở, việc đứng tại chỗ ăn cơm hay đi bộ được giảm dần cho đến ngày sinh. Vẫn có những bà mẹ lao động đồng áng suốt cả thời kỳ mang thai, chỉ ngơi tay trước khi sinh vài ba ngày mà vẫn mạnh khỏe vượt cạn dễ dàng.

Khi phát hiện mình đã bắt đầu mang thai, người mẹ tương lai cảm nhận có dấu hiệu khác thường và lưu ý đến những lời trao đổi của những người lớn tuổi, người ta quan niệm rằng không được ăn cháo trắng suốt thời kỳ mang thai, cũng không nên ăn gạo sống, cơm sống. Nếu không kiêng sau khi đứa bé được sinh ra sẽ có bẹn (từng vùng da đổi màu), da nổi cáu, đổi màu. Điều này quả tình rằng trong thời kỳ mang thai một số ít chị em phụ nữ thêm ăn gạo sống, có thể trong cơ thể thiếu các

tổ chất chãng nên gạo lúc xay bằng cối xay tay ngày xưa vỏ lụa của hạt gạo vẫn còn, đem nhai nát có vị béo, thơm. Không chỉ những người phụ nữ mang thai ăn gạo sống mà cả những em thiếu niên đôi khi trông thấy mẹ mình sàng gạo, lại sà vào hốt một nắm nhai trệu trạo trong miệng ngon lành.

Lại còn kiêng không ăn thịt bò, thịt trâu chết. Vấn đề này không chỉ người không mang thai cũng kiêng cử huống hồ rằng phụ nữ có thai. Bởi các loại gia súc chết thường là bị các loại bệnh dịch gây nên, trong thịt có chứa độc tố sẽ nguy hại đến sức khoẻ, tính mạng cho nên dân gian quan niệm như thế vẫn đảm bảo được tinh thần khoa học về thực phẩm như thời kỳ hiện đại người ta không sử dụng thịt gà, vịt khi bị dịch cúm gia cầm. Tuy nhiên để cho việc kiêng cử được tuân thủ, dân gian lại tuyệt đối hoá vấn đề rằng việc "ăn thịt gia súc chết, mình cũng chết" mới thật là đáng sợ để phải kiêng cử.

Người phụ nữ có thai phải lưu ý rằng hễ khi bước vào nhà phải vào thẳng mà không được quay lại đằng sau, không được ngồi (hoặc đứng) giữa cửa nhà (một nửa là nền nhà, một nửa là hiên nhà), vi phạm điều này dân gian quan niệm rằng người mẹ trong khi sinh đẻ, thời gian trên bồn sẽ rất khó nhọc. Suy cho cùng, ngày xưa trong ý thức của người dân xứ Quảng quan niệm rằng phụ nữ thường ở nơi phòng the kín đáo, lẩn quẩn nơi bếp núc, việc đi ngang qua nơi thờ tự tổ tiên là điều không nên sẽ làm cho ô uế chốn linh thiêng. Một phụ nữ bình thường đã vậy, huống hồ khi đang có thai thì lại được cha mẹ chồng khuyến dụ nhiều hơn nữa. Nay đã có quan niệm bình đẳng hơn về giới. Lại nữa, người phụ nữ đang thai bước lên những bậc thềm đắp bằng đất mỡ gà nơi cửa tại gian trung chênh vên

như thế nếu sơ ý cũng có thể té ngã mà nguy đến tính mạng cả mẹ lẫn con nên việc khuyên răn này giống như kiêng cũ bước lên mồ mả, bước qua dây chạc...

Những ngày chưa thai nghén, người phụ nữ có thể có chậm chạp trong lúc lao động, hoặc sinh hoạt đời thường khác hằng ngày nhưng khi đã có thai trong người phải thay đổi lối, tác phong sao cho nhanh nhẹn, hoạt bát, công việc làm phải dứt khoát, không để dây dưa. Đang thời kỳ thai nghén, các loại dụng cụ như gióng, rỏ, mủng, thúng...sau khi đi làm về đến nhà phải dọn dẹp đầu vào đấy, không được trễ tràng, dây dưa lộn xộn, e rằng đến khi sinh nở cũng trễ tràng, dây dưa như vậy. Lại còn kiêng ngồi trên bao bì, trên nong, nia, trệt³ sẽ khó sinh.

Kiêng ăn chuối chát trong suốt thời kỳ thai nghén, nếu không thế khi sinh con ra đời, đứa con sẽ khóc dai dẳng, giống như khóc dạ đề, rất vất vả cho người mẹ phải thức cùng con, ru, hát ầu ơ suốt đêm. Đây là cách dân gian dị đoan hoá vấn đề.⁴

³ **Nong**: có đường kính 1,5-1,6mét, thường đan bằng tre lồng tư, nan tre vót cứng cáp có nhiều nan cột, bản nan rộng từ 2-3 cm, nong dùng để phơi lúa, tằm, tơ, khoai, sắn và các sản phẩm khác trong nông nghiệp. **Nia**: nhỏ hơn nong, đường kính chừng 1- 1,2 mét, thường đan lồng ba, nan nhỏ, sợi nan mỏng và nhỏ hơn sợi nan đan nong, nia dùng trong sấy lúa, gạo, giê lúa, làm vật kê, đỡ khi xắt rau lang, chuối cho heo hoặc dùng phơi phóng như nong. **trệt**: nhỏ hơn nia, đường kính 50-60 cm, đan lồng ba, sợi nan mỏng, nhỏ hơn nan nia, trệt rất thông dụng trong gia đình thôn quê xứ Quảng. Nay, cả ba dụng cụ lao động này vẫn còn tồn tại trong các hộ gia đình nông nghiệp.

⁴ **Dị đoan**: Điều quái lạ, huyền hoặc do tin nhầm nhí mà có. Theo Từ điển Tiếng Việt - Hoàng Phê chủ biên - Nxb Đà Nẵng 2004. **Dị đoan**: tín ngưỡng về những việc dị kỳ, vô căn cứ. Theo Từ điển Việt Nam – Thanh Nghị - Nxb. Thời Thế, SG 1958.

Dân gian quan niệm rằng khi mang thai, người mẹ ngồi trên đòn kê, dùi cui⁵, tảng đá, khi sinh con, đứa bé sẽ có bộ phận sinh dục lớn hơn bình thường so với những đứa trẻ khác cùng tuổi. Quan niệm như vậy về mặt thực tiễn không có căn cứ, người ta nêu ra “hệ quả” để những bà mẹ trẻ không nên sợ ý ngồi trên dùi cui hay đòn kê sẽ dễ gây ra tai nạn bởi các loại dụng cụ này thường tròn và bấp bênh. Đang khi có thai mà ngồi trên những vật dụng như vậy là điều nên tránh, được thế sẽ an toàn, không phải lo lắng.

Người mẹ trẻ không nên ăn gạo đang sàng và cũng không nên ăn gạo đang xay trong cối, do ngại rằng khi sinh, vừa sinh vừa đại tiện, sẽ gây phiền phức cho hài nhi và cho bà mẹ. Quan niệm như thế trong dân gian cũng không có căn cứ.

Những kiêng cử như đã trình bày trong suốt thời kỳ người mẹ mang thai, theo quan niệm dân gian nhằm khuyên dụ cho người phụ nữ kịp giữ mình, giữ con được an toàn. Những thành tựu khoa học trong ngành y thời bấy giờ chưa phát triển, chưa giải thích được những hiện tượng kiêng cử trong tục sinh đẻ gắn liền với một đời người nên dân gian xứ Quảng thường mượn vào ý niệm “*xưa bày nay bắt chước*” để tiếp tục duy trì, Thế nên những kiến giải trong dân gian tựu trung bảo ban người đang thời kỳ thai nghén cẩn trọng trong mỗi sinh hoạt hằng ngày để tránh những rủi ro đáng tiếc có thể xảy ra cho người mẹ. Nay, những kiêng cử như thế vẫn còn tồn tại nhất

⁵ **Dùi cui:** (Phương ngữ) là dụng cụ phổ biến trong các gia đình nông thôn xứ Quảng, dùi cui làm bằng một đến hai lóng tre gộc, đặc, một đầu vạt nhỏ vừa nắm tay cầm. Dùi cui có loại bằng sắt (gỗ cứng) dùng cho thợ mộc. Dùi cui rất thông dụng trong công việc nhà nông, dùng đập, đóng vào việc nếm con sê, nếm cuốc, cày, chẻ tre...

là đối với các phụ nữ trẻ chưa kinh qua sinh đẻ lần nào, bởi họ chưa thể hình dung hết được những gì xảy ra với họ nếu như bản thân họ không thực hiện như thói quen thường ngày trong tập tục sinh đẻ còn tồn tại trong dân gian xứ Quảng.

2.Những chuẩn bị trước khi sinh:

Khi biết rằng mình đang mang thai, việc đầu tiên là vấn đề tâm sinh lý có sự biến đổi. Đây là những chuẩn bị về mặt tinh thần. Người phụ nữ ở vào giai đoạn này phải thích nghi với hoàn cảnh chung quanh, với lao động sản xuất, với vui chơi giải trí, thích nghi với tâm lý vui buồn, hờn giận và mọi thuộc tính khác có liên quan đến thai nhi và bản thân người mẹ hiện đang có sự biến đổi nhanh chóng hằng ngày.

Tuỳ theo thể trạng, người mẹ biết rằng ngày sinh con đẻ cái đang đến gần, nỗi lo âu từ đó cũng xuất hiện. Người mẹ tương lai chuẩn bị cho mình những câu hát ru con, điều này đã tiếp nhận được khi đang là thời kỳ niên thiếu. Thời ấy, trước khi làm mẹ, hằng ngày vẫn phải giữ em, giữ nhà cho cha mẹ đi làm. Những lần ru em ngủ vào giấc nửa buổi, giấc trưa trước khi bắt lên bếp nồi cơm là những lần cất lên tiếng hát ầu ơ ru em ngủ. Lại còn, những câu hát ru có được đã nghe từ khi còn nằm nôi cùng với lời ầu ơ của mẹ. Thế nên, đến lúc chuẩn bị làm mẹ, những khúc hát ru được đem ra ôn lại chuẩn bị cho ngày làm mẹ nuôi con.

Thêm nữa, người mẹ trẻ còn phải chuẩn bị áo lót quần đùi con tương lai trong ngày “nở nhụy khai hoa”, sắm sửa những thứ cần thiết cho ngày trọng đại ấy. Ở xứ Quảng thời

xưa khi nền kinh tế phát triển còn thấp, quả là điều không đơn giản chút nào cho người mẹ trẻ, khi thợ may chưa phổ biến và đông đúc như ngày nay thì việc may niềp bằng tay là chuyện thường ngày. Người mẹ trẻ tần mẫn niềp từng cái áo cái quần nhỏ nhắn, lại còn phải có thêm đôi tất mang vào chân, vào tay cho con trẻ trước khi có thể thích nghi với môi trường mới và còn hơn thế nếu sinh vào mùa đông lạnh, kịp có tắc ủ ấm cho con.

Rồi phải có chiếc nôi xinh xắn nữa, muốn có phải đến chợ mà mua hoặc dặn (đặt) ông thợ tre trong làng đan cho một cái thật diển, chuẩn bị trước ngày sinh nở ít hôm. Một cái móc nôi hình dấu hỏi bằng gỗ duối hoặc bằng tre già chặt về từ nương rẫy, bụi lùm nào đó, đem phơi phóng cho khô rồi thắt vào đáy đủ bốn tao nôi bằng những sợi dây chiu, dây xanh⁶ se lại, hoặc những sợi mây song, mây nước. Về sau này kinh tế đã phát triển khá hơn lại có thêm những sợi dây dừa. Đến thời hiện đại đã có những loại dây được sản xuất bền hơn bằng vải thao, ny lon làm tao nôi thuận lợi, an toàn cho giấc ngủ trẻ thơ.

Một chiếc giường bằng tre còn mới cho người mẹ nằm khi sinh nở cũng đã được chuẩn bị trước đó ít lâu. Có thể đến chợ mà mua nhưng cũng có thể dặn ông thợ tre nào đấy trong

⁶ **Dây chiu:** một loại dây leo màu trắng ngà, thân nhỏ như dây xanh, rất dẻo, nhựa màu hồng. Dùng cột, bó, thắt, kéo... rất tiện cho nhà nông khi lên núi đốn củi hoặc bó, cột tre cây, nhánh tre, đi lá, đi bổi, v.v... **Dây xanh:** một loại dây leo rất dẻo, thân màu xanh sậm, lớn bằng chiếc đũa ăn cơm, dùng cột, quấn rất chắc. Người dân thường dùng dây xanh đi củi, đi tranh, đi bổi, đi lá... trên núi, cột, bó lại, rất tiện ích.

làng đóng cho một chiếc phù hợp với chiều nằm. Tất cả đã chuẩn bị sẵn sàng cho ngày sinh con đẻ cái.

3. Những kiêng cử sau khi sinh:

Đây là thời kỳ đang nằm trên giường cũ (dân gian gọi là giường đẻ), ở vào giai đoạn này kéo dài suốt tháng, thời xưa quãng thời gian này là rất quan trọng đối với cả người mẹ lẫn con. Chính đó, những kiêng cử được đặt ra đang khi người mẹ ở cũ và phải thực hiện một cách đúng phép, chấp hành những khuyến dụ một cách tự giác thật lòng. Sau khi sinh, trong tập tục sinh đẻ có dấu hiệu xuất hiện các thành tố đi kèm không liên quan đến quy trình sinh nở nhưng về mặt thói quen làng xóm vẫn phải thực hiện một cách tự nguyện đã gắn với một đời người trong suốt thời kỳ sinh nở, nuôi con.

Dấu hiệu trước hết nhận biết khi có người sinh đẻ đang ở cũ, chủ nhà thường dùng một ngọn dứa dại (lá có gai)⁷ cắm nơi đầu ngõ, ngược góc lên trên. Khi nhìn thấy ngọn dứa, ai ngang qua nhà cũng biết được, trong đang có người ở cũ và đó cũng là tín hiệu thông tin rằng không nên vào nhà, ít ra trong vòng 28 ngày. Không nên vào nhà đang khi có người ở cũ là một hình thức kiêng, do dân gian quan niệm rằng người vào nhà có một lực lượng siêu nhiên nào đó lén vào nhà quấy phá người mới sinh và trẻ sơ sinh, do vậy nên kiêng. Mặt khác,

⁷ **Dứa dại:** lá dài màu xanh sẫm, hai mép và sống lá có gai, xén ngang lá giống hình chữ V. Thân dứa cao. Dứa lâu năm có trái rất lớn các nghệ nhân hái về phơi khô đánh bóng bằng dầu vecni dùng làm đồ trang trí trong nhà, đẹp mắt. Dứa dại sinh sống khắp xứ Quảng, nhưng nhiều hơn cả có ở vùng Bình Giang, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

kiêng vì có người lạ vào nhà chớ sẽ sửa lên gây tiếng ồn, hoặc tiếng vang của dép, guốc làm cho trẻ sơ sinh giật mình mà khóc, dỗ dành không nín lại làm phiền lòng người mẹ cũng cần sự yên tĩnh để nghỉ ngơi. Khi cắm ngọn dứa, nếu quay lát cắt vào nhà thì có ý thông tin rằng dứa trẻ là con trai, đồng thời với ngọn dứa dại có thêm một giỏ lửa - tức cây củi đã chụm cháy dở chừng - đầu giỏ lửa quay vào nhà. Nếu sinh con gái thì sắp xếp ngược lại.

Khi đang ở cũ, người lạ không nên vào nhà trừ những người mà đang khi sinh có mặt để giúp đỡ sản phụ hoặc đang có mặt trong nhà khi người mẹ sinh thì có thể vào ra như những ngày bình thường trước đó. Người dân xứ Quảng - tùy theo vùng - tin rằng khi có người lạ đến nhà tùy theo vía ⁸

⁸ **Vía:** Theo Đào Duy Anh trong sách **Việt Nam văn hoá sử cương**: “Hồn là cái linh phụ vào phần khí của người, là phần khinh thanh, người ta chết thì bay lên không; còn phách là cái linh phụ vào phần hình của người, là phần trọng trọc, khi người ta chết thì tiêu xuống đất. Đàn ông có ba hồn phụ và tam tiêu và bảy phách (vía) phụ vào thất khiếu, đàn bà thì có chín phách (vía) phụ vào cửu khiếu. Hồn và phách như thế chỉ thấy ở sách đạo giáo”. Theo **Từ điển Việt Nam** của Thanh Nghị, Nxb Thời Thế 1958, vía là *phần linh hoạt trong hình thể cho người ta sống, xét đoán được (Tây Thi mắt vía, Hằng Nga giật mình - Nguyễn Gia Thiều - Cung oán ngâm khúc)*. **Vía:** Theo **Từ điển Tiếng Việt** - Viện Ngôn ngữ học - Nxb. Đà Nẵng, Trung Tâm Từ điển học, Hn 1995, vía là *yếu tố vô hình phụ vào thể xác mà tồn tại, được coi là tạo nên phần tinh thần của mỗi người, khi người chết thì cũng mất đi (khác với hồn, độc lập với thể xác), theo quan niệm duy tâm của người xưa. Ba hồn bảy vía (phần hồn của người đàn ông, theo mê tín). Ba hồn chín vía (phần hồn của người đàn bà, theo mê tín)*. **Vía:** Theo Leopold Cadiere, nhà nghiên cứu, tìm hiểu văn hoá vùng Đông nam Châu Á trong quyển **Về văn hoá và tín ngưỡng truyền thống người Việt**. Nxb VHNT, Hn 1997. Tr 42. Vía tức *hồn hạ đẳng của con người*. Đối với vùng viễn đông hồn không phải một nhưng là nhiều, có ba hồn thượng

nặng hay nhẹ, nếu nặng thì sau đó đưa hài nhi (có khi là người mẹ) mắc bệnh bất ngờ. Người xưa cho rằng, sở dĩ có trường hợp như vậy là do người ngoài mang ma quỷ vào nhà gây nên bệnh hoạn, hoặc đưa bé đang yên ổn bỗng dưng khóc lóc liên hồi, không làm sao có thể thôi được. Muốn hết khóc phải tìm bằng được người ấy đến dùng một cục áo mài với nước lạnh cho trẻ uống sẽ khỏi. Chỗ này là thành tố vô căn cứ nhưng dân gian vẫn tin là thế. Hài nhi là trai, uống 7 giọt nước, là gái uống 9 giọt nhằm trừ ma quỷ, trừ tà, trừ phong long, đặc biệt những phụ nữ thời kỳ đang hành kinh thì tuyệt đối không được vào. Xưa quan niệm thế, nên người lạ vào nhà có tác hại nghiêm trọng đến sinh mệnh mẹ hoặc con, cho nên khi nghe có người lạ đến, người ở cũ phải thực hiện một cách tự giác, xem như việc phải làm không thể không được, bằng cách dùng muối và trái chùm kết (bò kết) bỏ vào trã lửa và ngồi lên xông. Xông thì cho rằng để tránh mọi tác hại đột nhiên có thể có xảy ra. Thực ra người vào nhà có thể mang theo các loại mầm bệnh đến mà cả mẹ lẫn con hiện đang yếu dễ bị nhiễm bệnh. Quả là phiền phức cho những bà mẹ đang trong thời kỳ ở cũ. Quan niệm như thế nay vẫn còn một vài vùng trên xứ Quảng thực hiện theo tinh thần “*xưa bày nay bắt chước*”. Trong bệnh viện hiện đại thời nay nơi có nhiều người đến khẩn vái và cắm hương dưới những gốc cây cao bóng cả thường là thân nhân của những người nằm trong khoa sản (?)

Khi nằm trong buồng cũ, người mẹ trẻ và tất cả những người trong gia đình đều có thói quen không phát ngôn những

đẳng (“hòn”) và nhiều hòn hạ đẳng (“vía”), 7 đối với nam, 9 đối với nữ, không kể nhiều sinh khí phức tạp khác.

từ ngữ có sắc nghĩa trái với thường ngày như chết, đau ốm, kiêng gọi tên một số bệnh tật. Đang khi ở cũ mà nghe những tiếng “không lành” này, bỗng dưng sẽ mắc phải bệnh. Chẳng hạn nghe người ngoài nói “đau bụng” hoặc nghe nói “đau đầu” người mẹ mới sinh cảm thấy mình đau đầu thật. Thì đây là những ấn tượng bất an, nếu lặp đi lặp lại mãi làm cho người mẹ có thể có cảm giác rằng mình đang bị bệnh, tinh thần và thể chất có thể có sa sút do mới sinh đang còn yếu đuối ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái. Không nên làm phiền lòng người đang ở cũ e rằng sẽ làm cho sản phụ bực dọc mà phát bệnh tật, có hại đến sức khỏe.

Thói quen trong dân gian thường cho rằng khi người sản phụ đang thời kỳ ở cũ mà ăn các loại canh, nhiều nước về sau sẽ làm cho bụng ỏng, lớn bụng, mất eo, không đẹp. Lại cũng có thói quen cho rằng sản phụ không nên đi đứng nặng chân, người chao đảo cũng có thể dễ gây nên bệnh về tim mạch, về khớp...không có lợi cho nên phải đi đứng dịu dàng, uyển chuyển, cơ thể phải mềm mại.

Mang một bào thai trong người là một hiện tượng “nhiệm màu”, do đó trong quá trình dày công thai nghén, người mẹ trẻ đã toàn tâm, toàn ý dành cho con, thay đổi thói quen trong cuộc sống thường ngày cũng chỉ nhằm giữ gìn con từ khi là trứng nước. Người mẹ có cả một quá trình theo dõi đưa con trong người đang lớn dần lên, thế nên những thói quen kiêng cũ phải thực hiện trong suốt thời gian mang thai nhằm bảo vệ con và mong sao cho đứa con của mình khi sinh ra không bị bệnh hoặc khuyết tật gì. Đây là một điều mà không có người mẹ nào lại chẳng muốn thế.

4. Bỏ con vào nôi:

Sau một, hai tháng nằm bên cạnh mẹ, nay người mẹ tập cho con nằm riêng vào nôi để ru mỗi khi con ngủ. Nôi được đan bằng tre, phần đáy dùng cho trẻ nằm cong hình mu rùa, thích hợp với lưng con trẻ. Có nơi các bà mẹ không cho con nằm nôi mà cho con nằm võng. Tập tục lâu đời của người xứ Quảng có thói quen khi bỏ con vào nôi lần đầu tiên thường không chọn vào lúc nước lên mà chọn vào lúc nước ròng. Tùy theo thói quen từng vùng, trong dân gian khi bỏ con vào nôi thường dặt một con dao vào đầu nôi, hoặc có vùng dùng đuôi cá đuối quấn ở đầu nôi thì càng hay hơn. Dân gian cho rằng thực hiện như vậy là để trừ quỷ, trừ tà (những lực lượng siêu nhiên xấu có thể ám hại đứa trẻ mới sinh, hoặc phá rầy giấc ngủ bình an của trẻ). Thận trọng hơn nữa, tùy vùng còn thực hiện chung quanh căn “buồng ỉ” nơi người đang ở cũ nằm, ngày xưa chủ nhà còn giăng lưới chung quanh để ma quỷ gặp phải chướng ngại mà không thể đột nhập vào được bên trong. Có khi còn dùng một chiếc nôm (nôm cá) treo trên giường người sản phụ như là một loại vũ khí chống lại các lực lượng ác tâm ám hại đứa trẻ.

Chuyện về chiếc nôm còn được lưu hành trong dân gian vùng Quảng Nam rằng: Ngày xưa một gia đình nọ có người đang ở cũ, bỗng nhiên nôi con đau ngực khó thở. Cả nhà hoảng hốt chạy chữa, khói xông từ buồng cũ bay ra nghi ngút, một mùi xông đặc trưng của những gia đình có người đang ở cũ mà bất cứ ai ngang qua nhà chỉ thoảng qua một ít mùi khói xông lên đã biết được hiện tượng gì đang xảy ra trong nhà

đang có người vừa mới sinh con nhỏ. Đang trong cơn bối rối xảy ra trực tiếp và bất ngờ như vậy, chủ nhà vội chạy đi tìm thầy đến cứu chữa. Vừa ra khỏi nhà một đoạn liền gặp một người đàn ông đang mang một cái xách, tay cắp dù, đầu đội khăn nhiễu đượng (còn gọi là khăn đóng). Người khách lạ nhìn vào dáng vẻ bề ngoài của vị chủ nhà như hốt hoảng bất thường, bèn hỏi:

-Ông có việc gì mà đi vội vã vậy, tôi xem ông có chuyện chẳng lành?

Vị chủ nhà đang rối ruột, bèn kể thật đầu đuôi sự việc cho người khách lạ nghe. Nghe xong, khách bèn bảo đưa về nhà để chạy chữa giúp cho. Chủ nhà nửa tin, nửa ngờ nhưng người khách lạ giục phải đưa về nhà ngay kéo không kịp nữa. Vừa vào đến nhà, người khách lạ mặt bảo mọi người tránh xa sản phụ, đoạn người khách dùng nhan đốt lên và khoáng nơi buồng sản phụ đang ở cũ và nói rằng có một con ma gái ngồi trên ngực và đang bóp cổ sản phụ cho nên sản phụ tức nơi ngực và khó thở là vì vậy. Nhanh chóng, mọi thủ tục được bày ra chữa trị. Khách lạ vừa dùng hương, vừa khoán tứ tung rồi dùng khăn điều (khăn ấn) vút tét... tét đuổi ma chạy. Con ma hoảng hốt chạy ra khỏi buồng, người khách đuổi theo, vừa chạy vừa ra lệnh:

-Về nhà giữ con, không tao chặt đầu ngay bây giờ. Về mau!

Con ma chạy ra khỏi vườn, người khách lạ quay vào buồng, bấy giờ sản phụ dần dần hết tức ngực, ngạt thở và thần sắc đang hồi phục dần. Người khách lạ dùng bùa ỉm quanh buồng và trao cho người bệnh một bùa đeo vào người, đồng

thời dùng một cái nôm treo trên giường sản phụ cho rằng làm thế để trừ ma.

Chủ nhà tạ ơn người khách lạ.

Từ đó về sau trong dân gian dùng chiếc nôm treo trên giường người mẹ mới sinh đang trong thời kỳ ở cũ đã trở thành thói quen.

Nay, tập tục này đã được bỏ hoàn toàn vì đây là một cách mê tín dị đoan không có tác dụng gì trong quá trình sinh nở và nuôi con của người phụ nữ.

5. Tục xông người trước khi vào nhà:

Người sản phụ sau khi sinh xong, nếu sinh ngay tại nhà thì không phải xông còn ngược lại sinh tại bệnh xá, bệnh viện phải tiến hành xông trước khi vào nhà. Để có chất liệu xông, dân gian thường có thói quen dùng một chổi cùn (chổi không dùng được nữa) một nắm muối trắng và các loại gai. Nếu người mẹ sinh con trai dùng 7 loại gai khác nhau, nếu sinh con gái dùng 9 loại, tất cả đốt cho cháy lên, người mẹ ẩm con bước qua lại trên ngọn khói lửa ấy. Nếu sinh con trai bước 7 lần, sinh con gái bước 9 lần. Xông xong mới được vào nhà. Theo quan niệm dân gian vùng đất Quảng xông nhằm trừ ma quỷ, trừ tà, trừ phong long đi theo về nhà ám hại cả hai mẹ con mới sinh. Phong long theo quan niệm dân gian một số vùng xứ Quảng, đây là những oan hồn trẻ nhỏ hoặc người mẹ trong lúc sinh bị chết gọi là chết “bất đắc kỳ tử”. Theo đó những trường hợp trên đều là phong long tử.

6. Lệ xông nước:

Người sản phụ sau khi sinh được 7 ngày phải xông hai nồi nước (xông hơi nước), sau đó mới được xông lửa khắp cơ thể. Xông lửa thường gọi là hơi lửa.

7. Lệ đi chợ mở hàng:

Người sinh ở cũ được 28 hoặc 29 ngày tùy theo sinh trai hay gái có lệ đi chợ “mở hàng”. Đi chợ lần sau sinh được cho là đi bán “phong long”. Thường lúc đi chợ sản phụ mang theo trứng gà, có khi mang theo vài lon gạo để bán. Lúc đi chợ mang theo vài miếng trầu – cau và một đồng bạc ném giữa ngã ba đường. Đây được xem như mời, đãi đấng lực lượng siêu nhiên nào đó trên đường đi chợ tại ngã ba để được cho đi mà không làm khó dễ. Trên đường đi từ nhà đến chợ không tiếp chuyện bất kỳ ai nếu chưa bán được “phong long”. Tiếp chuyện như vậy e rằng sẽ lây các loại bệnh từ người khác sang cho mình. Bán xong phong long có thể tiếp chuyện mà không sợ gì nữa. Dân gian tin là như vậy. Người sản phụ hoàn tất việc mua bán “phong long” có thể mua một ly rượu uống tại chỗ, mua trầu-cau hoặc muối mang về. Thường, việc bán phong long không được ai mua, vì không ai muốn rước “phong long” ấy về mình nên khi đi đến ngã ba đường sản phụ cứ việc đặt trứng hoặc gạo, trầu – cau ngay tại ngã ba rồi quay về lại nhà. Đây cũng được xem là đi chợ mở hàng sau một tháng sinh đẻ.



Chợ xứ Quảng xưa (A: Tl)

Ngày nay, dân gian xứ Quảng không còn quan niệm trong bữa đi chợ mở hàng sau một tháng sinh con nhỏ để bán “phong long” nữa. Khoa học kỹ thuật và những kiến thức về sinh sản đã loại ra ngoài tập tục sinh đẻ những quan niệm dị đoan, không còn phù hợp với cuộc sống.

Mở hàng, mở hệ được người dân xứ Quảng xưa quan niệm rằng: đầu năm mọi người mọi nhà ai cũng muốn hanh thông, vạn sự cát tường, làm ăn đại lợi. Xưa, làm quan có ngày khai ấn, người đi học có ngày giờ khai bút, nhà nông có ngày khai canh, làm thợ có ngày khai công, còn nghề buôn bán có ngày *mở hàng mở hệ*. Nghề buôn bán vì bấp bênh, có ngày

bán đất, có ngày không, có ngày ế ẩm. Thế nên, người chọn nghề buôn bán không chỉ chọn ngày đầu năm mà còn chọn cả ngày đầu tháng, đầu tuần, đầu ngày để khai trương mở hàng nữa và khi bán thường để ý đến chuyện *mở hàng, mở hệ*. Bán cho ai, lúc nào để trong ngày, tháng, năm luôn đắt hàng. Người bán phải niềm nở mời gọi khách, ân cần, đầu năm bán nói giá hơn ngày thường để người đi chợ mua đầu năm có cái hên. Hai bên đều có lợi. Thế nhưng có người cứ tưởng rằng bán mở hàng phải bán cho đắt thì cả năm mới có lời lớn, người mua vì thế chê đắt không hên nên không mua, bỏ đi. Cuối ngày chủ bán ngồi không, hàng không bán được lại đổ lỗi cho người mua rằng mở hàng đâu không thấy chỉ có mở hệ, có vía nặng rồi la lối mắng mỏ, đoạn bày ra trò mê tín dị đoan, đốt vía người mở hàng bằng cách cúng bái, ma thuật để tống *vía nặng* ra khỏi gian hàng hoặc nhà, đôi khi có người còn xông khói cả người bán nữa. Từ đó mà có thành ngữ *mở hàng mở hệ*.

8. Tục đầy tháng:

Đầy tháng còn là lễ đặt tên. Trong hệ thống các tập tục *quan, hôn, tang, tế*⁹ ở xứ Quảng nhiều vùng không có tục thực hành *quan* nên việc đặt tên trong ngày đầy tháng rất hệ trọng. Đây cũng là tục xông cữ có các yếu tố mang đậm mê tín, dị đoan, nên bỏ hẳn. Trong lễ xông cữ có bày biện một mâm cơm mục đích cúng ông xó bà xó. Ông xó bà xó cũng không rõ ràng trong cuộc sống, thời nay người ta đã bỏ đi hẳn. Khi đặt tên cho hài nhi chú ý không đặt trùng với tên của những người quá

⁹ **Quan**: tục đội mũ khi đã trưởng thành, lên đình. **Hôn**: hôn lễ, **Tang**: việc tang ma, **Tế**: cúng tế.

cô trong dòng họ vì kỵ phạm húy nên kiêng.¹⁰ Sau khi đặt tên cho con xong mà phát hiện bị trùng tên, phải thay đổi. Khi đặt tên người ta dùng hai đồng tiền cổ xin âm dương (một sấp, một ngửa) nếu âm dương không thuận là không chọn. Đây là một tập tục dị đoan còn sót lại.

Việc đặt trùng tên được quan niệm là phạm húy thế nên trong lễ đầy tháng chủ nhà thường không mời khách, ai biết đến chúc mừng là rất quý mà chỉ mời những người đại diện cho chi phái tộc đến tham dự nhằm lưu ý không đặt trùng tên những người quá cố.

Lễ đầy tháng được tính từ ngày sinh, trong dân gian xứ Quảng còn lưu truyền thành ngữ: “*Gái sứt hai trai sứt một*” nghĩa là nếu sản phụ sinh con gái thì đúng 28 ngày làm lễ đầy tháng đặt tên, còn nếu sinh con trai phải đúng 29 ngày mới tiến hành lễ.

Lễ đầy tháng có lệ xông cữ.

Bà mẹ dùng một thau nước lạnh, một mũi dùi nhọn đun vào bếp lửa sao cho mũi dùi được nung đỏ lên, đoạn nhanh chóng nhúng mũi dùi vào thau nước tạo nên tiếng kêu xèo, xèo... Một người ẵm hài nhi đến trước bàn thờ tiên tổ, lạy mười hai bà mẹ¹¹ ba lạy. Người được phân công ẵm hài nhi phải có

¹⁰ **Phạm húy:** ở xứ Quảng có từ thời Gia Long khi vợ thứ nhất của vua Minh Mạng là Hồ Thị Hoa vì bạo bệnh mà chết trẻ, vua cha (chông) là Gia Long rất thương bà nên hạ chiếu chỉ cho thần dân không được gọi tên Hoa. Từ đó Hoa gọi trại thành Ba. Ví dụ Thanh Hoa thành Thanh Hoá. Đông Hoa thành Đông Ba... Xem **Triều Nguyễn - Chín Chúa mười ba vua** – Thi Long- Nxb Đà Nẵng, 1998.

¹¹ **Mười hai bà mẹ:** chỉ những nhà khá giả mới thờ 1 khám bằng gỗ bên phải nhà, đôi khi chạm trổ công phu treo trên bức phen ngăn phòng cô dâu. Khám được thờ Đoàn cung Thánh mẫu (Bà bổn mạng của phụ nữ) còn gọi là Bà hoặc Mười hai bà mẹ. Thực tế những gia

tư chất thông minh, nhanh nhẹn, hiền lành, có đạo đức. Người
bồng vừa ẵm, vừa lạy, vừa đọc:

*Xông phong long phong la
Mở miệng ra có bông có hoa
Mở miệng ra có tài có lộc
Mở miệng ra có duyên có nợ...*

Điều đó cho thấy rằng việc bắt đầu hình thành nhân cách cho trẻ em từ những ngày sơ sinh là hết sức cần thiết và được chọn lựa kỹ càng. Dân gian xứ Quảng ngại rằng nếu làm không tốt trong lễ đầy tháng đặt tên tất sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách cho con trẻ. Về sau không thể sửa được. Và cũng từ đây, người mẹ trẻ bắt đầu ru con ngủ bằng những lời hát ru sâu lắng trữ tình và tùy theo sự lớn lên của trẻ theo năm tháng mà có lời hát ru phù hợp.

Đọc xong bài chú lại đặt hài nhi lên ổ. Ổ được lót bằng lá thâu đầu, bà mẹ đứng lên dùng chân đạp nhẹ lên bụng 7 lần nếu là con trai, 9 lần nếu là con gái. Sau đấy khoát nước từ

đình khá giả ở xứ Quảng xưa kia treo trong khám 1 bức tranh màu đỏ nền vàng có vẽ mười hai khuôn mặt phụ nữ sắp thành hai hàng. Xem đó, người dân xứ Quảng thấy rằng không có căn cứ thực tế để nhìn nhận vai trò Mười hai bà mẹ trong tục sinh đẻ. Vả, những gia đình khá giả thì vậy, còn những đôi vợ chồng nghèo không thờ Đòai cung Thánh mẫu, Bà Chúa Cửu Trưng, Bà Chúa Liễu Hạnh (truyền thuyết nói rằng con vua Hùng Vương thứ 6), Bắc thần và nhiều vị khác... chẳng lẽ họ không sinh được con, thực tế họ vẫn sinh con đàn. Quan niệm dân gian người Quảng cho rằng Mười hai bà mẹ phù hộ cho trẻ sinh ra, ban sữa cho bà mẹ, gia tăng khẩu vị cho đứa con, khiến nó nên thông minh nếu nó là con trai, nên tháo vát nếu là con gái. Chính vì không có cơ sở thực tiễn mà ở xứ Quảng đã lâu lễ tạ Bà chúa sinh thai đã không còn thực hiện trong tục sinh đẻ và tục hôn nhân nữa. (Leopold Cadiere, nhà nghiên cứu, tìm hiểu văn hoá vùng Đông nam Châu Á trong quyển *Về văn hoá và tín ngưỡng truyền thống người Việt*. Nxb VHNT, Hn 1997.)

thau rửa mặt cho đứa trẻ, đoạn dùng kéo cắt bớt đi một túm tóc trên đầu.

Trong lễ xông cữ người chủ lễ đọc một bài vái tạ các vị thần có liên quan đến tập tục sinh đẻ. Bài vái như sau:

*-Thượng quân đức chúa sinh thai tinh quân
Tam vị thánh mẫu tinh quân
Thập nhị bà tinh quân
Thập nhị đờn nương tinh quân
Lục cung thủy triều tinh quân
Hộ phòng, hộ sản, hộ mạng đồng tử tinh quân
Thị tòng bộ hạ liệt vị tinh quân
Cung thỉnh đương kiểng thổ địa phước đức
chánh thần*

(Cúng thần)

*-Cung nghinh bốn gia, phụng sự ngũ phước
Hương hoả tôn thần
(Cúng ông bà, tiên tổ).*

Nay các thành tố trong lễ đặt tên đã loại ra khỏi bảng giá trị nhiều yếu tố siêu hình, thần bí. Thời đại ngày nay người xứ Quảng và trên nhiều vùng đất nước người ta đặt tên cho con thường chọn những từ hay có nghĩa để gọi, không quan niệm phạm huý như trước nữa.

9.Lễ thôi nôi:

Mười hai tháng sau khi sinh phải tổ chức lễ thôi nôi. Nội dung của lễ là tạ ơn bà Chúa sinh thai vì thế mà trong lúc hành

lễ giống với bài vái khi xông cữ. Trong lần tổ chức lễ này người dân xứ Quảng thường dùng một cái nia, trên trái chiếc chiếu đặt giữa nhà trước bàn thờ tiên tổ. Trên nia được bày biện nào bánh trái, bút, giấy, kéo kim, đồ chơi cho trẻ...Đặt trẻ vào nia, thời gian đủ mười hai tháng trẻ đã biết lật, bò, có trẻ ngồi đã vững và biết đi lụng chụng giữa nhà. Trong lễ thôi nôi người dân xứ Quảng tin rằng nếu trẻ nắm phải dụng cụ nào trước, được xem là năng khiếu trẻ đã được biểu lộ trong lễ thôi nôi. Nhân cách của trẻ cũng bắt đầu định đoạt từ đây. Cuộc sống của trẻ khi lớn lên tùy vào tinh thần đó mà suy đoán, vận dụng. Tập tục này cho hay rằng ngay từ nhỏ người mẹ rất quan tâm đến việc hình thành nhân cách cho trẻ và bắt đầu dạy dỗ cho con mình trong tương lai sẽ phát triển một cách bình thường như anh chị của trẻ hoặc như bè bạn láng giềng của trẻ. Đây là hy vọng đầu đời của trẻ và cũng là hy vọng thiết tha của những người mẹ sinh con, nuôi con và mong cho con mai sau được nên người có ích cho cộng đồng xã hội. Điều đó cho thấy trong dân gian xứ Quảng còn lưu hành:

Dạy con từ thuở còn thơ

Mong cho con lớn nên người con ơi!

10. Sinh thiếu tháng:

Thai nghén chưa đến kỳ “nở nhụy khai hoa” nhưng lại phải sinh. Như thế là sinh không thuận lợi, không trọn vẹn theo chu kỳ sinh học, do tác động của nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng sinh thiếu tháng. Sinh thiếu tháng là hiện tượng được xem là rất nghiêm trọng, có tác động lớn đến tinh thần của người thai nghén cũng như cả gia đình có người sinh. Theo

nhận định của người xưa sở dĩ có trường hợp như vậy là do trong suốt thời kỳ thai nghén, người sản phụ không chịu thực hành kiêng cử hoặc có thể do lực lượng siêu nhiên nào đó không bằng lòng cho sinh đúng tháng, đúng ngày, hoặc người ta còn tin rằng do ma quỷ ám hại nên mới thế. Ít ai để ý đến những giải thích dựa theo tinh thần khoa học. Một mặt, do thời xưa khoa học về sinh sản chưa được phổ biến rộng khắp như thời nay, mặt khác do quan niệm có thần linh, lực lượng này hằng theo dõi con người, nên hư của một người ở đời đều có sự can thiệp của họ nên hiện tượng bất thường trong sinh đẻ được xem như số mệnh vốn là phải thế. Từ chỗ đó, con người xứ Quảng trong một thời gian dài chấp nhận thế. Và để cứu vãn tình thế, những trường hợp sinh thiếu tháng vấn đề kiêng cử được đặt ra nghiêm ngặt hơn những sản phụ sinh đủ tháng ngày. Dân gian Quảng Nam quan niệm rằng phải kiêng cử đúng ba tháng mười ngày (bách nhật), suốt trong thời gian đó, người ở cũ không được đến nhà người khác, nếu có việc gì phải đến xem như đã mang “phong long” đến cho nhà hàng xóm. Nhà đã bị “phong long” phải tổ chức tống đi gọi là “tống phong long”. Muốn làm được phải mời phù thủy đến nhà. Có nhiều hình thức “tống” nhưng để đuổi được tà đôi khi người ta dùng một cái trã (om) đất hoặc dùng hai bẹ chuối tạo dáng như một chiếc thuyền đặt vào trong bánh kẹo, trầu cau, giấy vàng mã... đập lại đem ra ngã ba nào đó mà đặt, xem như đã “tống” xong. Việc làm như vậy, đã có phù thủy chủ lễ.

Xưa, cũng có khi sinh đẻ xong trong quá trình nuôi dạy cả những đứa trẻ sinh đủ tháng và thiếu tháng mà con trẻ đau ốm thường xuyên, khó nuôi, nuôi lâu lớn, hay khóc đêm (đạ

đề) lại cũng theo quan niệm dân gian cần có thầy phù thủy để chữa trị như các loại bệnh được xem là con sát, ghẻ sài... phải giả là bán cho phù thủy nuôi qua khỏi một giáp (12 tuổi), đến khi đủ 12 tuổi lại giả rằng chuộc về. Những tập tục như thế ngày nay không còn phù hợp, dân gian không còn tin vào những dị đoan trong quá trình nuôi dạy con cái. Chính đó, trong dân gian đã phản kháng lại theo cách “*tiền mất tật mang*”, giải thích các loại bệnh tật đối với trẻ sơ sinh giống như cách nói:

*Hòn đất mà biết nói năng
Thì thầy địa lý hàm răng không còn.*

11. Các loại bánh trong lễ đầy tháng:

Chuẩn bị cho ngày này, thông thường người dân xứ Quảng hay chuẩn bị các loại bánh, trong đó bánh đúc là chủ lực. Khi nói đến bánh đúc người ta thường liên tưởng ngay đến loại bánh trong tập tục sinh đẻ của người Quảng.

Bánh đúc: Để có một sắn bánh đúc đạt chất lượng dùng trong lễ xông cữ, trước hết người ta đem bột gạo xay nhuyễn, lấy trùng⁽¹²⁾ cho vừa đủ để có thể hấp được một sắn bánh. Bánh đúc dày chừng 3 – 4 phân và có hình vuông tùy theo khuôn đồ. Bánh sau khi hấp xong cứng dẻo, có thể cắt ra thành từng miếng sắp trên đĩa, mặt trên thoa một lớp dầu phụng đã phi chín, lại rắc thêm một lớp đậu phụng giã mịn như tằm. Khi

¹² **Lấy trùng:** (phương ngữ) tức hoà nước lã vào bột gạo xay nhuyễn sao cho vừa đủ mang đi hấp cách thủy để có được một sắn bánh đúc thơm ngon.

ăn bánh đúc thường chấm với nước mắm cái, nước mắm Nam Ô hoặc Phan Thiết có thêm tỏi, ớt giã nát thì ngon miệng.

Các loại xôi: Ngoài bánh đúc còn có xôi. Xôi được nấu bằng nếp thơm. Nếp thơm được cấy trồng trên những cánh đồng đại điền của huyện Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Hoà Vang...Sau khi xay giã sàng xong đem nấu nếp thành xôi. Nấu xôi xứ Quảng không giống nấu gạo thành cơm, càng không giống nấu nếp rẫy thành xôi. Người ta đun lửa đến khi nồi nếp bắt đầu sôi lên, dùng đũa bép sơ qua một lượt, sau đấy dùng cặp hoặc đũa bép nhắc nồi xôi ra ngoài chắt hết nước, xóc vài nhịp trộn đều, xong dần nồi xôi sang một bên bép lửa. Làm thế khi xôi chín sẽ không bị nhão, ăn ngon miệng hơn. Trước khi dần người nấu còn cẩn thận dùng tàu lá chuối đập lên trên nồi trước khi úp vung lại. Xôi chín, xới ra khỏi nồi, đưa lên một cái trã để nhuộm màu tùy thích. Nhuộm xong màu theo ý thích người ta đã có các loại xôi giang (màu xanh), xôi nghệ (màu vàng), xôi hồng (màu đỏ), xôi trắng...

Tập tục sinh đẻ là một trong những tập tục quan trọng gắn liền với một đời người xứ Quảng nói riêng. Một cuộc khai sơn, phá thạch để gây dựng nên làng mạc, khai hoang vỡ hoá tạo nên những cánh đồng đại điền đòi hỏi phải hy sinh nhiều xương máu, mồ hôi của bao đời, nắng mưa, gió bão, lũ lụt, thú dữ, là những trở ngại lớn luôn ngăn cản bước chân con người tiến công vào thế giới tự nhiên để cải tạo nó. Cuộc đấu tranh gian khổ này đã dấy lên niềm tin mãnh liệt vào tương lai để tiếp tục sinh tồn khi mang trên mình là những lưu dân đi về phương Nam khai phá miền đất mới. Song, đôi khi những cản trở của lực lượng thiên nhiên làm nảy sinh trong tư tưởng con

người ý niệm có thần. Các vị thần linh trong quan niệm của người dân xứ Quảng có tính chất suy nguyên, tạo nên sông núi, đất đai, muôn loài. Môi trường tự nhiên là vốn có, bất biến không thể thay đổi đi được, nhưng từ đó làm xuất hiện môi trường văn hoá gắn liền với một vòng đời nhờ lao động sản xuất của con người. Do quan hệ nhiều chiều của con người trong môi trường sinh sống cho nên người xứ Quảng cũng quan niệm con người cũng từ lực lượng siêu nhiên này mà có, mà tồn tại được dưới ánh sáng mặt trời. Một chừng mức nào đó trong suy nghĩ của người Quảng xưa, thần linh giúp cho con người tồn tại, nhưng cũng có những lực lượng siêu nhiên khác thường xuyên muốn cướp đi sự sống của con người. Nhìn một cách biện chứng mối quan hệ giữa con người với lực lượng tự nhiên thì con người vừa là chủ thể của sự phát triển cộng đồng nhưng đồng thời cũng là đối tượng, là sản phẩm của tự nhiên. Vì vậy các tập tục nói chung có mang yếu tố thần bí vừa có mang yếu tố theo thói quen hằng ngày. Tập tục sinh đẻ vẫn là một trong những tập tục có mang yếu tố siêu hình đó. Khi người dân không thể giải thích được các hiện tượng thiên nhiên áp đảo con người, hoặc chưa tìm ra được cách giải thích nên dựa vào quan niệm có thần, có ma quỷ để dựa dẫm hoặc tránh né bằng nhiều biện pháp.

Từ quan niệm đó, trong tập tục sinh đẻ người dân xứ Quảng nói chung tạo nên cho mình một niềm tin, niềm tin đó thông qua hệ thống những kiêng cử. Có loại kiêng cử, lễ nghi xét về mặt khoa học có tác dụng bảo vệ sức khoẻ thai nghén, song có kiêng cử hoàn toàn dựa trên ảnh hưởng của thần quyền, không có căn cứ, cộng thêm với tư tưởng Lão – Trang,

hình thành nên một số thành tố trong lễ tục không phản ánh hiện thực cuộc sống của thế giới khách quan, ngã sang mê tín dị đoan làm bất lợi cho phong cách sống. Đây là một hạn chế trong vũ trụ quan và nhân sinh quan của người dân xứ Quảng thuở xưa. Nay đã khác.

Thời gian, với ý niệm về thế giới khách quan là thần linh, mọi sự vật đều có nhân cách, biết tư duy và nói chuyện được với người, dần dần chìm vào dĩ vãng. Thay vào đó là tri thức khoa học, lý giải rõ ràng các hiện tượng tự nhiên, những ràng buộc của thần quyền xưa kia nay không còn nữa, do đó tập tục sinh đẻ không còn là một hiện tượng nặng nề, khó hiểu và khủng khiếp nữa. Các tục, lễ chung quanh tập tục sinh đẻ được thay bằng các quá trình vận dụng những thành tựu khoa học về y học đã miêu tả và lý giải đúng đắn quy luật sinh tồn của con người xứ Quảng nói riêng và nói chung của cộng đồng người Việt.

12. Hát ru em theo một vòng đời:

Khi trẻ em đã biết nằm nôi, đây cũng là lúc người mẹ *âu ơ* ru con ngủ theo nhịp đưa nôi. Những bài hát ru đã từ đây gắn liền với một đời người, chí ít cũng đến hết năm thứ ba của tuổi thơ con. Bấy giờ, vào những buổi trưa hè nồng nóng của xứ sở miền Trung, xứ Quảng những người mẹ Quảng Nam ru con hoà với tiếng gió rì rào trên ngọn tre kẽo kẹt, hoặc hoà với tiếng gà tục tục gọi con, tiếng cục ta cục tác của con gà mái nở hoặc đưa theo cùng tiếng ve râm rân đầu hồi căn nhà tranh nhỏ

vào những buổi trưa, những đêm hè dăng dỗi tiếng ru gắn chặt với tuổi thơ diu dặt, nồng nàn.

Hát ru em được khai sinh từ đã lâu đời và chắc chắn rằng, hát ru đã gắn liền với mọi gia đình nông thôn Việt Nam qua suốt các thời kỳ lịch sử thăng hoa, phát triển. Những bà mẹ trên mọi miền xứ Quảng từ bình nguyên, trung châu đến miền núi..., nơi đâu cũng có tiếng mẹ ru hời dỗi em théc những giấc bình an. Ai đã hơn một lần đi qua những vùng đất Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Hoà Vang và đã hơn một lần chèo thuyền trên dòng sông Thu Bồn, Vu Gia, Cẩm Lệ, Cu Đê, sông Hàn lộng gió chắc sẽ nghe được tiếng ru hời vọng ra từ các làng quê yên ả một đời. Tiếng hát ru không thể không ra đời bên vành nôi thơ trẻ và với đôi tay nắm bốn tao nôi day khung trời ngang trái mà mền yêu của tình mẫu tử hiền hoà.

*-Đó ai ngòi vông không đưa
Ru con không hát, đò đưa không chèo*

*-Chiều chiều (à ơ) lại nhớ chiều chiều
Nhớ nôi com nguội nhớ niêu nước chè
Nhớ hời tượng mã pháo xe
(Mà) nhớ bát nước chè, nhớ chén đường non
Nhớ hời cá trích y con
Thịt heo y khúc lòng còn ước mơ
Nhớ hời rau muống bò bờ
Nhớ hời con nhện vương tơ mới vào
Nhớ lê nhớ lựu nhớ đào*

Tình ta thương (ờ...ớ...) bạn (ờ...,à... ơ... biết) hỏi nào cho (ờ...ớ...) khuây.

12.1. Ru em lúc em còn ẵm ngửa: Tiếng ru người mẹ, có khi là của người cha, của bà, của chị vào thời kỳ đứa trẻ còn là một hài nhi, nằm ngửa, lời hát người cha có thể vụng về, thô cứng nhưng ta vẫn nghe và cảm nhận được từ lời ru ấy một giai điệu có sức lay động cõi lòng. Người mẹ, người chị thường có âm vực cao vút, trong hơn, bắt lấy một bài ca dao lục bát nào đấy bất kỳ trong ký ức để ru. Âm điệu lời ru khi con trẻ còn là một hài nhi, thường nhẹ nhàng, êm dịu sao cho em đi vào giấc ngủ, “théc” một giấc ngọt lành. Bởi trẻ vào giai đoạn này không hiểu được lời ru của mẹ nhưng lại cảm được giọng nựng, giọng thương, dịu dàng của mẹ nên người mẹ xứ Quảng thường kéo dài *à... ơ...*, những hư từ sao cho âm thanh liền chuỗi gây cảm giác dịu đều. Lời ru vào thời kỳ này là không cần phải rõ ràng, tách bạch và cũng chưa có nội dung bày vẽ gì cho con trẻ nên hư từ *à... ơ... cứ thể ngân vang dìu dặt, tiết tấu chậm đều, dần trải đứa trẻ dần vào giấc ngủ thanh bình, nồng nàn sâu lắng.*

Khi hát ru con ngủ, người mẹ thể hiện qua nhiều sắc thái khác nhau, cả trong một giấc ngủ, sắc thái ru qua từng điệu ru cũng khác, lúc dìu dặt, lúc khoan thai. Giai đoạn trẻ còn là hài nhi, người mẹ tiếp xúc với đứa con nhiều hơn, phải ôm vào lòng, phải nựng, phải vỗ vào mông, hôn vào má nhiều hơn. Và giọng hát không nhất thiết phải tròn vành rõ chữ. Chẳng hạn:

-À... ơ... (chớ) chim trên rừng(mà) còn thương cây (ờ) nhớ cội

*(Chớ) người xa (ơ) người(mà) tội lắm người... ơi...
Chẳng thà... không gặp thời thôi
(Chớ) gặp rồi mỗi đứa...ờ (à...ơ...) mỗi nơi cũng... buồn.*

*-À ...ơ...(chớ) cha sinh... (mà) mấy thuở (ờ ó) cha...
bông,
(Chớ) mưa sa (mà...) mẹ đây (ờ),(À ...ơ...chớ) gió lồng
(mà) mẹ (ờ... ó) che.*

12.2. Ru em và sự bắt đầu hình thành nhân cách cho trẻ:

Trong lời ru của người mẹ có mối quan hệ nào từng ngày hình thành nhân cách cho con? Có thể nhìn nhận được rằng nhân cách của đứa con được hình thành ngay khi đứa bé lọt lòng mẹ. Ngày nay khoa học đã cho biết được rằng đứa con có thể nghe được tiếng của mẹ khi còn đang nằm trong bào thai, ít nhất cũng một tháng trước khi sinh. Những người mẹ xứ Quảng ngày trước chắc không rõ rằng đứa con của mình có thể cảm nhận được tiếng nói, nỗi lòng của mình khi đang còn nằm trong bụng mẹ, thế nhưng một điều chắc chắn là bất kỳ người mẹ Quảng Nam nào xưa kia cũng chuẩn bị sẵn cho mình một số câu hát ru em để “nuôi con”. Những khúc hát ru được chuẩn bị từ khi còn nằm bốn tay nôi thay mẹ dỗ em, khi mà:

*“Đêm đông mảnh chăn đơn rách nát
Nường chút ấm cho em
Chị nằm co chịu rét...
Có thể nào em quên chị
Quên câu hát đứa nôi từ thuở lọt lòng
Từng ru em những năm tháng long đong*

*Chị tiếp nói lời ru của mẹ
Câu hát yêu thương cứ truyền đời như thế...
Thương sao những khúc hát ru
Thuở khoai – sắn ngọt bùi... ”¹³*

Trong ba năm đầu là thời gian đứa trẻ bắt đầu hình thành nhân cách, tiếng ru của mẹ có một vị trí quan trọng phát họa ra không gian, thời gian cả những buồn vui, ghen ghét, giận hờn, trong đó dấu ấn đầu đời vẫn là những điệu ru với ngôn ngữ công việc của một nền kinh tế nông nghiệp lúa nước. Người mẹ qua tiếng ru âu ơ của mình còn là cách hun đúc, truyền cho con những đặc trưng vốn có của tinh thần quê hương xứ sở mà bắt đầu từ tiếng nói. Tiếng nói miền nào được người mẹ hình thành cho con như thế, không sai. Đây là nét đặc trưng dễ thấy khi con trẻ lớn dần lên. Tiếng nói cũng là âm thanh của xứ sở quê nhà được người mẹ hát mỗi lần ru, lặp đi lặp lại thành quen. Đứa trẻ nằm trong nôi lim dim đôi con mắt nghe, nhìn, rồi thẩm nhận hồi nào không rõ để một ngày tràn đầy niềm tin yêu hy vọng, đứa trẻ bỗng nhận ra rằng, tiếng nói quê hương trong lồng ngực của mình. Và, từ đây đứa trẻ có quê hương, có bản sắc của mình, có một giọng điệu riêng không lẫn vào đâu được.

Khi trẻ chùng sau thôi nôi đến ba tuổi, ấy là lúc người mẹ hát những khúc hát ru có phần nhạt hơn những ngày thơ ấu. Chiếc nôi đưa cũng mạnh tay hơn, người mẹ lại cong người thót bụng để ru, lời ru lớn hơn, tròn môi rõ chữ. Nếu trẻ khóc dai đòi bú, người mẹ phải hát sao cho át được tiếng khóc của

¹³ Thơ Nguyễn Quân, T/c *Non Nước* số 102 tháng 10/2005.

con, hư từ à...ơ ..được kéo dài ra như chuỗi âm thanh có tính biểu đạt sự hăm dọa, lẩn lút tiếng khóc trẻ thơ. Đứa trẻ nằm trong nôi miệng vẫn khóc oa oa, hai mắt nhắm lim dim, hai tay dang ra và nắm lại chuẩn bị cho một giấc ngủ đậu lại trong nôi. Đây là lúc những người mẹ ru trong tư thế vội vàng, còn phải hoàn thành công việc gì đấy đang cần. Chính lúc ấy mà về sau, khi lớn lên ta mới hiểu thêm được tâm tư tình cảm của những người mẹ:

*Tiếng hát ầu...ơ xưa
Mẹ ru em giấc ngủ
Bốn tao nôi day khung trời ngang trái
Đời lớn lên
Em hiểu ngọn nguồn nước mắt chảy trong nôi¹⁴*

Và, trong lúc ru em vào giai đoạn chừng 2-3 tuổi cuộc đời, lời ru của người mẹ rõ ràng, có điều bày vẽ cho con nhận biết sự vật, tình người, các mối quan hệ khác về cha con, mẹ con, chị em, bè bạn... Ví dụ:

*-Con mèo(mà) con chó có lông
Bụi tre(mà) có mắt(chớ) nôi đồng có quai.*

*-Chiều chiều (mà) lại nhớ chiều chiều
Nhớ nôi com nguội, nhớ niêu nước chè.*

*-Mẹ ơi (chớ) đừng đánh con đau
(Mà) để con bắt ếch hái rau (cho) mẹ nhờ
(Chớ) bắt ếch(mà) ếch nhảy lên bờ*

¹⁴ Thơ Vũ Hoàng – *Giao Hưởng*- tập thơ nhiều tác giả. Nxb Đà Nẵng 1993.

(Mà) hái rau (thì) rau... héo (chớ) mẹ nhờ chi con.

Với chức năng tình cảm và giáo dục, có lẽ người mẹ xứ Quảng đã chọn cho mình một phương tiện ru con ngủ là tiếng hát ru, một hình thức nghệ thuật của thi ca và âm nhạc sơ khai gắn liền với tiếng nói của mẹ. Mãi đến khi con trẻ lên 3, có thể bỗng nách những lúc cho con ăn cơm, đưa con vừa ăn vừa khóc, người mẹ lại vừa hát, vừa dạo quanh vườn, lúc này lời ru thể hiện:

Ru... hời, ru... hời... là... ru...

Nín mà nghe qua ru (mà) qua hát

Dạo quanh vườn

Dạo quanh vườn

Bót gót (mà) xem chơi

Tàng tích tang non nang tích tàng tang tích

Ba lý tích tang non nang tích tàng (à) tàng

Tiếng hát ru là tâm hồn, là lời về quê mẹ. Tiếng hát ru của mẹ hoà với tiếng khóc chào đời của con như xen lẫn sự vui buồn. Tiếng ru là tiếng nói của lòng mẹ, người đã mang nặng, đẻ đau, trực tiếp nuôi nấng con cái, lúc đau thương, khi buồn tủi, lo lắng hay vinh quang cũng vì con. Lớn lên ai đã từng xúc cảm với tiếng hát ru mà không nhớ đến công ơn của mẹ?

54 dân tộc anh em sống trên đất nước ta, mỗi dân tộc có một làn điệu hát ru của riêng mình.

Xứ Quảng - xứ sở miền địa đầu Nam Trung bộ - cũng là một vùng đất phong phú về các làn điệu dân ca. Ai đã từng đi qua những vùng đất Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Hoà

Vang đã từng bơi chèo trên dòng sông Thu Bồn, Vu Gia... chắc hẳn đã được nghe các câu hò, điệu lý và trong những buổi trưa hè vang vọng đây đây với cánh võng đưa kẽo kẹt cùng tiếng mẹ ru con mên mông.

*À ơi ! Ru con, con ngủ cho muôi,
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu¹⁵
Mua cau Bát Nhị, mua trầu Hội An.¹⁶*

Và, tuy là một hình ảnh rất đơn sơ cũng đi vào tiếng ru của mẹ qua những câu ca dao lục bát giàu nhạc điệu trữ tình:

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ nồi com nguội, nhớ niêu nước chè.*

Hay nói lên những tâm trạng sâu kín của con người bằng những cung bậc thánh thót:

*Chim xanh ăn trái xoài xanh
Ăn no tắm mát đậu nành dâu da
Cực lòng em phải nói ra
Chờ trăng trắng lặn, chờ ba ba tàn.¹⁷*

¹⁵ **Chợ Quán:** Có thể là chợ An Quán, nằm về phía nam thị trấn Vĩnh Điện. **Chợ Cầu:** thuộc xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

¹⁶ **Bát Nhị:** làng Bát Nhị (có nơi đọc là Bát Nhị) thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

¹⁷ **Ba:** tức hoa. Do phạm huý mẹ vua Thiệu Trị là Hồ Thị Hoa nên hoa, đọc thành *ba*, hoặc *huê*. Khi bà Hồ Thị Hoa mất sớm, cha là Gia Long ban chỉ dụ không được gọi hoa, từ đó về sau hoa thường đọc thành *ba* hoặc *huê*. Ví dụ Thuận Hoa thành Thuận Hoá, Đông Hoa thành Đông Ba... Xem: *Triều Nguyễn - Chín chúa mười ba vua* - Phi Long .Nxb Đà Nẵng, 1998.

Các bà mẹ Quảng Nam từ đời này qua đời khác, bằng lời ru đã đưa đứa con thơ của mình vào thế giới bao la của tình người. Không dừng lại ở tình mẹ con, lời ru dẫn con tới tình yêu quê hương, tình thương cha mẹ:

*Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng¹⁸
Thương cha nhớ mẹ quá chừng bậu ơi.*

hay: *Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều¹⁹*

Trong cuộc đời những người mẹ xứ Quảng thuở xưa có biết bao nhiêu điều cay đắng cho thân phận gắn chặt vào đời không biết tỏ bày cùng ai, thế là những nửa đêm thức giấc, giữa trưa yên tĩnh, đành gởi vào lời ru, coi là lời tâm sự với đứa con yêu quý nỗi niềm thâm kín của mình:

Chẳng hạn:

*Gió đưa bụi chuối sau hè
Anh ham vợ nhỏ bỏ bè con thơ
Con thơ ai ẵm cho chàng*

¹⁸ **Hòn Kẽm, Đá Dừng:** các địa danh vùng trung du huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

¹⁹ **Chín chiều:** Theo tích xưa, bên Tàu có một người thợ săn, một hôm đi săn trên rừng gặp một gia đình khỉ, người thợ săn giương cung bắn, trúng nhằm khỉ con, khỉ cha thấy thế nhảy đến ôm con vào lòng, liền bị một mũi tên của người thợ săn bắn hạ. Thấy thế, khỉ mẹ hốt hoảng, rơi từ trên cây xuống đất chết. Người thợ săn mang cả ba về nhà xẻ thịt. Khi mổ bụng khỉ mẹ, người thợ săn giật mình, khỉ không bị mũi tên nào nhưng ruột đứt thành chín khúc (đoạn). Người thợ săn nghĩ: có lẽ nỗi đau mất chồng, mất con đã làm cho ruột khỉ mẹ đau, đứt thành chín khúc, ngã từ trên cây xuống. Về sau, người thợ săn gác cung không bao giờ đi săn nữa. Từ đó người ta dùng "ruột đau chín chiều" để chỉ nỗi đau khi phải lìa xa người thân. Ca dao: *Chiều chiều ra đứng ngõ sau, Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Chàng đi mùa gặt vườn hoang một mình.

Rồi qua những âm điệu sâu lắng của khúc hát ru, người mẹ lại gợi cảm nỗi thất vọng về lòng bội bạc của người bạn đời:

*Một nông tầm là năm nông kén,
Một nông kén là chín nén tơ
Bạn phỉnh ta chín đợi mười chờ
Linh đình quán sậm, dật dờ quán sen.*

Dải đất miền Trung quanh năm với thời tiết khắc nghiệt: mùa hè nóng bức, mùa đông lạnh giá, mưa bão, đất đai lại cằn cỗi. Trước hoàn cảnh thiếu phần ưu đãi của thiên nhiên nên con người xứ Quảng phải dày dạn, mạnh bạo mới đủ sức thích nghi với cuộc sống khó khăn: *Gánh cực mà đổ lên non, Còng lưng mà chạy cực còn chạy theo.* Phải chăng vì thế mà giọng nói của họ đậm đà bản sắc riêng của vùng đất cơ cực này và trong những khúc ca câu hát có nhiều âm điệu mộc mạc chất phác, lời hát đơn giản dễ hiểu.

Tuy nhiên, cho dù tiếng nói có thật thà vụng về đến đâu thì những làn điệu hát ru lại hết sức đậm thắm, có một cái gì rất độc đáo trong chất thơ, chất sống, chất tình ở đây, nó biểu hiện tinh thần lạc quan, lãng mạn của người dân xứ Quảng đã vượt lên trên tất cả nhọc nhằn, cực khổ của đời sống vốn dĩ lắm gian nan, qua đó tình cảm giữa người và người càng gắn bó mặn nồng, tha thiết.

Hát ru có những cách hát khác nhau, điệu ru con của những bà mẹ vùng đồng bằng Quảng Nam thường hát chỉ có

hai câu hát ngắn gọn ở âm vực trầm, nghe êm ả, dịu dàng rất dễ buồn ngủ. Thực ra trẻ thơ chỉ cảm nhận giai điệu chứ chưa hiểu được lời ca như người mẹ, chính đó nhất thiết giai điệu phải êm dịu lôi cuốn mới dễ đưa con trẻ vào giấc ngủ an lành, vào giấc mơ thần tiên. Chẳng hạn bài hát ru do chị Sáu Bè hát, nhạc sỹ Trần Hồng ghi âm sau đây:

Người hát : Chị Sáu Bè
Ghi âm : Trần Hồng

À ơ... ơ! chiêu chiêu lại ơ nhỏ
 chiêu chiêu nhỏ nôi còm ngườ
 À ơ... ơ! nhỏ nôi còm ngườ
 (lại) nhỏ niều nước chè

Bên cạnh đó, Quảng Nam cũng có điệu hát ru giống điệu ru của những bà mẹ ở Bình Sơn, Sơn Tịnh thuộc tỉnh Quảng Ngãi; tầm âm rộng hơn, đoạn nhạc dài và câu hát dài hơn. Tuy cùng hát một làn điệu ru con nhưng ngữ điệu, giọng nói, cách phát âm của người xứ Quảng có nhiều dấu ấn, giọng

mạnh hơn người Quảng Ngãi, nên âm điệu câu hát cũng đậm nét hơn, nặng hơn. Ví dụ bài hát ru do Võ Đặng Khai hát, nhạc sỹ Trương Đình Quang ghi âm sau đây:

Người hát Võ Đặng Khai
ghi âm Trương Đình Quang

chậm, êm nhẹ

À... ơ... ơ... chiều chiều lại
nhớ chiều chiều nhớ người quân
tử... ơ... à... ơ... khăn
điều ơ vất vai Áo vất vai quân hai ống
vết, dấu nghĩa chùng nào lẩn lướt vô thi. Tiên
năm quan ngũ quán mất đi hai nam nhơn mô mà đôi đặng
... .. À... ơ... gái nữ nhi xin kết duyên

Từ trên miền núi, các dân tộc ít người cũng có những điệu ru mang đậm bản sắc núi rừng. Chẳng hạn bài hát ru con sau đây của dân tộc Cotu:



Bêch ời con ời! Bêch ời meo ời! Thêy ời coon ời



Bêch ời ời Pơ hay apê ama côm dăng lêng a nhăng



amóo ời acoon ời cên a nhăng moo ời chơc ời

Với giai điệu trữ tình sâu lắng, điệu hát ru dù của người miền xuôi hay người miền ngược đều thấm đượm ân tình của người mẹ. Điều này thật dễ hiểu vì với mục đích là làm sao

cho em bé dễ ngủ, với tâm tình của người mẹ thể hiện qua âm điệu và lời ru, với đối tượng là đứa con bé bỏng, bài hát ru không thể cầu kỳ phức tạp đâu là câu nhạc ngắn gọn hoặc dàn trải nhưng tần âm thường không vượt ra ngoài quãng tám, tiết tấu khoan thai, êm ái hoà cùng với tiếng võng đưa nhịp nhàng kết hợp với nhịp đập đều đặn cùng trái tim trẻ thơ

Trên dải đất miền Trung “chưa mưa đà thấm”, các bà mẹ xứ Quảng không chỉ hát ru con bằng những làn điệu ru mà còn có thể ngẫu hứng bắt nhịp rồi cất lên cả những điệu lý, câu hò quen thuộc như lý tang tít, lý vọng phu, lý chiêu quân trích trong các vở tuồng, trong ca kịch bài chòi hay những bài trong hát hò khoan, hò chèo thuyền, về Quảng để ru con vào giấc ngủ thanh bình, yên ấm. Nhưng dù theo thể thơ nào, điệu hát nào, hầu hết giai điệu ru con đều có những tiếng đưa giọng à ơi, ầu ơ, ơ... và lời hát có thể thay đổi bằng những nốt biến âm, luyến láy khác nhau. Chính những nét biến tấu hoa mỹ này đã tạo cho bài hát thêm phong phú, đa dạng, mang lại sự hấp dẫn cho giai điệu và từ đó các bài hát ru biết cách làm say lòng người nghe, không chỉ trẻ năm nô mà còn cho cả những người lớn tuổi mỗi buổi trưa hè nghe văng vẳng lời ru từ bên nhà hàng xóm đưa sang.

Cứ thế làn điệu hát ru được lặp đi, lặp lại từ đời này sang đời khác, lâu dần trở thành thói quen của mỗi vùng đất và tiếp tục truyền lại cho thế hệ mai sau; cho nên có thể cùng một địa phương nhưng mỗi nơi lại hát ru với những làn điệu khác nhau. Chẳng hạn ở khu vực Thanh Khê thuộc thành phố Đà Nẵng lại mượn hò khoan để hát ru con, vùng Hoà Vang thành

phố Đà Nẵng lại có thể hát cả những câu ca dao, cả những làn điệu dân ca khác; vùng Duy Xuyên, Đại Lộc tỉnh Quảng Nam lại hát ru bằng những câu ca dao lục bát lưu hành trong dân gian. Từ đó có thể đi đến kết luận rằng hát ru là một thể loại do dân gian ấn định chứ không phải sản phẩm của âm nhạc chuyên nghiệp. Chính đó, có thể dễ dàng nhận thấy trong cùng một bài, ca từ giống nhau nhưng mỗi nơi hát mỗi khác tùy theo cảm hứng, tâm trạng cảm thụ tác phẩm của người mẹ mà giọng hát ru mỗi nơi mỗi khác.

Vì rằng hát ru mang tính dân gian nên trong phần ngẫu hứng khi người mẹ ru con thường thêm vào những cảm xúc riêng mình. Qua cảm hứng từ những âm thanh dịu ngọt, mềm mại và thiết tha đó, các nhạc sỹ chuyên nghiệp đã nâng hát ru lên thành những loại biểu diễn trên sân khấu như chèo, tuồng, ca kịch bài chòi... Dựa trên chất liệu hát ru, các nhạc sỹ cũng đã sáng tác nhiều ca khúc mang âm hưởng hát ru được ưa thích như “Khúc ru tháng ba” của nhạc sỹ Thuận Yến, “Mẹ yêu con” của nhạc sỹ Nguyễn Văn Tý, “Dòng sữa mẹ” của Phạm Tuyên, “Đất nước lời ru” của Văn Thành Nho.

Những bà mẹ nông thôn với tâm hồn dung dị, gắn bó với dòng sông, lũy tre quê hương đã sáng tạo ra những âm điệu ngọt ngào dễ dàng lưu truyền từ đời này sang đời khác qua những khúc hát ru. Mong cho con trẻ lớn lên trong hương hoa mật ngọt của quê hương qua tiếng hát lời ru, thấm đượm thêm tình yêu quê hương xứ sở. Thế nhưng, ngược lại chúng ta ít thấy những bà mẹ trẻ thành phố hát những điệu ru con bên chiếc tao đời đong đưa mà thay vào đó là những ca khúc hiện

đại, tiết tấu mạnh mẽ mà thiếu tính giai điệu; ở đây những điệu hát dân ca đã trở thành “hoài cổ”.

Nhiều người mẹ dù còn nhớ, có thuộc những câu hát ru nhưng lại không muốn cất giọng lên vì cảm thấy lạc lõng giữa những âm thanh ồn ào của nhiều phương tiện thông tin đại chúng nơi phố thị. Từ đó tiếng hát ru mất dần rồi tan biến vào quên lãng.

Chúng ta ngày nay cũng không ngạc nhiên, khi những đứa trẻ rất yêu thương mẹ, cần đến mẹ lúc ăn, lúc bú nhưng đến lúc buồn ngủ thì lại đòi bà, muốn được bà dỗ ngủ, chỉ vì với bà trẻ được nghe bà hát ru. Những câu hát ru giàu nhạc điệu, từ đó gọi cho bé sự tưởng tượng thêm phong phú, mở ra cho bé tiếp nhận thiên nhiên bên ngoài bốn tao nôi có nhiều điều mới lạ, có cả những điều ngang trái nhưng lại rất gần gũi với mình.

Ngày nay, các bà mẹ trẻ, các cô giáo ở nhà trẻ hoặc trường mẫu giáo thường lúng túng không biết ru và hát như thế nào cho trẻ ngủ, họ chỉ có thể “à ời” hoặc “ví dầu” năm ba câu không có đầu đuôi dỗ trẻ. Điều đó cũng trở thành thói quen cho trẻ, trẻ vẫn ngủ - không sao – nhưng tâm hồn trẻ không được bay xa và rộng mở như những trẻ em ở các làng quê được đắm mình trong những lời ru. So sánh như vậy có thể là khiêng cưỡng nhưng quả tình trẻ em ở các làng quê khi lớn lên được làm mẹ lại tiếp tục cất tiếng hát ru, giữ lại được truyền thống quê nhà, mang lời ru đi cùng năm tháng đời người. Có thể vì “vốn liếng” ca dao dân ca của những người mẹ ở thành phố còn quá ít và cũng có khi hát ru lại sợ mọi người cho những

câu hát ấy là cũ càng, lạc hậu, “nhà quê” không hợp thời chẳng!

Nếu cho rằng những bài hát ru em đã cũ, thì đó thực ra chỉ đúng với ý nghĩa thời gian của nó. Vì nếu nhìn sản phẩm văn hoá của người xưa bằng con mắt của người đời nay thì sẽ không hiểu hết ý định của tổ tiên mình trong việc lấy nghệ thuật âm nhạc, lấy trò chơi và ngôn ngữ thơ ca để giáo dục con cháu. Đó là những bài học được sàng lọc từ đời này sang đời khác để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá và tấm lòng nhân ái của con người. Thời gian đã cho ta thấy rằng, trải qua bao nhiêu thế hệ sinh sôi nảy nở trên vùng quê hương xứ Quảng, chúng ta vẫn không bỏ được những câu hát ru của mẹ, của bà, của chị, của cha.

*Con ơi muốn nên thân người
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ ru.*

Đối với những trẻ em còn bồng bế và những đứa trẻ chuẩn bị đến trường, những bài hát ru bao giờ cũng mới đối với chúng. Và, nếu một đứa trẻ nào đó chưa hề được nghe những câu hát về lòng tự trọng, về danh dự thì chắc chắn đứa trẻ đó sẽ có một trái tim ích kỷ, thô bạo... hơn những đứa trẻ được tắm gội trong dòng sông giai điệu hát ru ân tình của mẹ.²⁰

13. Những bài hát ru thường gặp:

²⁰ Xem *Hát ru Quảng Nam - một vốn quý cần được giữ gìn* – Văn Thu Bích – *Kỷ yếu Hội thảo hát ru toàn quốc* tổ chức tại Huế tháng 8/1992. Viện Âm nhạc và múa xuất bản. Hà Nội 1992. Trang 231.

Cái ve, cái chén, cái bầu ai mang.

*-Bông em mà bỏ vô nôi
Cho mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu²⁵
Mua cau Bát Nhị, mua trầu Hội An
Hội An là Hội An tề
Đi chợ quên về là Hội An vui.*

*-Đất Quảng Nam chưa mưa đà thấm,
Rượu Hồng Đào chưa nhấm đà say
Lòng ta như chén rượu đầy
Lời thề nhớ chén rượu này, bạn ơi!
Câu hò từ thuở xa xôi
Bao năm còn động tiếng đôi bên bờ
Từ ngàn xưa đến bây giờ
Tiếng ru vẫn chẳng phai mờ tình yêu!*

*- Bạn ơi, ở bạn vô đây
Du hồ²⁶ bác bửu bàn độc xây hai hàng*

Cái ve, cái chén, cái bầu sau lưng. (Bỏ ve, bỏ chén, bỏ bầu ai mang)..

²⁵ **Chợ Quán:** Có thể là chợ An Quán, nằm về phía nam thị trấn Vĩnh Điện. **Chợ Cầu:** thuộc xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

²⁵ **Bát Nhị:** làng Bát Nhị (có nơi đọc là Bát Nhị) thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

²⁶ **Du hồ:** một loại trò chơi ngày trước, giống như chơi đầu hồ ở ngoài Bắc du nhập vào Nam. (Hồ: tiền người đánh bạc nộp cho chủ sòng bạc. Xong một hồ). **Bác bửu:** tám đồ vật quý giá. Xưa nay ở xứ Quảng có tám nhóm bác bửu, tùy thuộc vào quan niệm mỗi người, vùng có khi mỗi tôn giáo, học phái mà có. Ví dụ: Theo ông **Huỳnh Tịnh Cửa** (Petrus Cửa), bác bửu gồm: *bầu trời, quạt vả, gương, đàn, hòm sách, bút lông, đôi sáo, chủ phát*. Theo **Phật giáo**, bác bửu gồm: *lá bồ đề, tù và ốc, ô lọng, cờ, hoa sen, bình quả bầu, cá, hồ nước*.

*Tội chi đứng sá ngòi đàng
Sương sa nhỏ xuống cảm thương hàn ai nuôi?²⁷*

*-Buồn tình cha chả buồn tình
Không ai ra Huế cho mình gửi thơ
Gửi thơ thì phải gửi lời
Kẻo mà thơ rớt thơ rơi dọc đường.*

*-Đêm năm canh nước mắt lán lai
Tay bông con dại, miệng nhai hột ngọc trời
Phân cha không sữa con ơi
Nhai cơm, sún nước, con ăn chơi cho cha nhờ
Con còn nhỏ dại ấu thơ
Tay ru, miệng hát âu ơ đêm năm canh trường
Năm lãn (mà) khóc trên giường
Con ơi nghĩ đến mà thương cha rày
Ru con đà mỏi hai tay
Hay là con nhớ mẹ đêm ngày khóc luôn
Bông con vừa hít vừa hun²⁸
Thấy con, đứt ruột lụy tuôn hai hàng
Ngó vô trong cảnh gia đàng
Thấy cây xà lá xủ dạ càng héo khô
Một mình quày quả ra vô
Thấy bãi nước trầu còn đó
(mà) mẹ con đi mô không thấy về ?*

Theo **Đạo Lão**, bác bửu gồm: quạt vả, kiếm, bầu rượu, phách, lẵng hoa, ống bút, chiếc tiêu, hoa sen...

²⁷ Dị bản: Bài này có nơi đọc: *Bạn ơi, ơi bạn vô đây, Tội chi đứng sá ngòi đàng, Sương sa nhỏ xuống cảm thương hàn không ai.*

²⁸ **Hun**: tức hôn.

*Nay đà phu đã xa thê
Hẹn hò non nước bỏ bê nghĩa Châu Trần²⁹
Ở em ơi! Em thác làm cho bỏ nợ, bỏ nân
Bỏ con thơ dại, khổ trăm phần lăm trời ơi ơi!
Nhón chân kêu chẳng thấu trời
Kêu hoài, kêu hủ³⁰ không tiếng trả lời tiếng mô³¹*

*-Con chim quỳnh nhung ăn trái quỳnh châu³²
Chàng mà phụ thiếp chớ thiếp đâu phụ chàng
Không tới lui (thì) ra chỗ từ nan
Tới lui sợ miệng thế gian chê cười
Nguyên cùng nhau đất chín ông trời mười³³
Trăm năm không bỏ ngãi người đâu người lo
Đêm nằm đắp chiếu ngủ co
Trời xui đất khiến, tôi giờ trò bước mau
Dạ chung tình trước cũng như sau
Hôi lành có vợ, hôi đau có chồng
Lời nguyên chân bước non sông*

²⁹ **Châu Trần:** tục truyền ở thôn Từ Châu bên Tàu có hai họ là Châu và Trần, đời đời kết thông gia nhau. Thi hào đời Đường là Bạch Cư Dị có thơ rằng: "*Từ thôn Cổ phong huyện, hữu thôn viết Châu, Trần, nhất thôn duy lưỡng tính, thế thế vị hôn nhân*", nghĩa là thôn Từ Châu ở huyện Cổ Phong có thôn Châu, Trần, hai họ đời đời kết hôn với nhau. Ở đây nghệ nhân chỉ không quên ơn nghĩa của hai bên giòng họ trai và gái. Trong **Kiều** của Nguyễn Du có câu: *Thật là tài tử giai nhân, Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn.*

³⁰ **Kêu hủ:** giống như kêu mãi, gọi mãi.

³¹ Trong dân gian vùng Hoà Vang truyền rằng bài do ông Trịnh Nuôi sáng tác khi vợ chết sớm để lại một đứa con gái còn nhỏ. Ông được các Lý trưởng, ông Hương, ông Cừ... làng Đông Phước thưởng tiền. đã có lần ông dùng bài này thi hát trong làng, được rất nhiều người ưa thích và thuộc lòng.

³² **Quỳnh** là một thứ ngọc. Nhưng, châu đều là vật quý. Tỉ dụ chim ngọc quý giá.

³³ **Đất chín trời mười:** theo quan niệm xưa đất có chín tầng địa ngục, trời có 8 hướng, 10 phương. Ý nói là thề nguyên không bỏ nhau.

Mai ôm lầy liểu, phụng bông lầy loan³⁴
Trăm năm tạt đá ghi vàng
Dầu mà muối dĩa, rau sàng cũng ung
Chim kêu thỏ thẻ trên rừng
Bớ người tình quân tử, biếu bạn đừng có vội quên

-Con chim đa đa đậu nhánh đa đa,
nó kêu lắc la, lắc lẻo
Như chim chèo bẻo đậu nhánh măng vòi
Bạn ơi, bớ bạn? Ở hoài rứa răng?
Trên trời có một cái trăng
Lâu đêm còn khuyết, hướng chi nghĩa đạo hằng
bạn không lo
Mai sau biển cạn thành gò
Sông Dinh³⁵ cạn nước, bạn để chiếc đò cho ai?

-Chim xanh³⁶ ăn trái xoài xanh
Ăn no tắm mát đậu nhánh thiên hương³⁷
Bạn nghe không rõ bạn hờn

³⁴ **Phụng** là phượng, chim phượng tức phượng hoàng. Nghệ nhân tách từ “loan phượng” làm hai mà dùng vào từ tổ mới. Ở đây chỉ sự sống chung với nhau.

³⁵ Sông Dinh ở tỉnh Phú Yên.

³⁶ **Chim xanh**: theo văn cảnh này thì chim xanh do chữ **Thanh điểu** mà ra. Điển Võ đế vua nhà Hán đang dạo xem phong cảnh nơi vườn Ngự Uyển, bỗng nhiên có đôi chim xanh bay đến. Đông Phương Sóc tâu lên nhà vua rằng đây là sứ giả của bà Tây Vương Mẫu báo tin sắp đến. Quả như vậy, bà đến triều bái Hán Võ đế có hai tiên nữ áo xanh theo hầu. Người ta dùng chữ *chim xanh* để chỉ việc trao tin qua lại, cũng dùng để chỉ việc làm mai mối trong hôn nhân. *Truyện Kiều* có: *Thâm nghiêm kín cổng cao tường, Cạn dòng lá thắm, đứt đường chim xanh.*

³⁷ **Nhánh thiên hương**: không có thật, chỉ là sự ước lệ. *Thiên hương* là hương thơm của trời, hoa của đất, tỉ dụ người rất đẹp *Truyện Kiều* có: *Kiếp hồng nhan có mong manh, Nửa chừng xuân thoát gẩy cành thiên hương.*

Ta không bỏ bạn, bạn đừng bỏ ta.

*-Gió đưa trăng thì trăng đưa gió
Quạt nọ đưa đèn, đèn có đưa ai
Trăm năm đá nát vàng phai
Đá nát mặc đá, sông dài mặc sông³⁸
Trông cho én, nhận một lòng
Đèn lồng thiếp xách, mâm tơ hồng³⁹ chàng bung.*

*-Gió nam thổi xuống lò vôi
Ai đôn với bạn ta có đôi bạn buồn
Dời chơn bước xuống ghe buồn
Sóng bao nhiêu dợn, dạ chàng buồn bấy nhiêu
Cánh buồm gió thổi hiu hiu
Nước mắt tuôn chàng chặm bốn múi dây lưng
điều không khô
Cuộc tâm tình thảm thiết chừng mô
Con cá lui về biển bắc, bỏ chiếc nơm khô một mình.*

*-Mẹ già hai đứa nuôi chung
Đứa lo cơm cháo, đứa giùm⁴⁰ thuốc thang
Thuốc thang, thang thuốc bỏ gừng
Ta không bỏ bạn, bạn đừng bỏ ta.*

³⁸ Dị bản: có nơi đọc là “Đá nát mặc đá, vàng phai mặc vàng”.

³⁹ **Mâm tơ hồng**: mâm cơm cúng Ông tơ Bà nguyệt. Vùng Quảng Nam-Đà Nẵng có nơi làm lễ ngay giữa sân, ban ngày, có nơi làm lễ vào ban đêm ngay trong nhà trước lễ hợp cẩn. Nay lễ này đã được bỏ từ lâu.

⁴⁰ **giùm**: như giúp.

*-Ở nhà buồn bực lắm thay
Rủ nhau mua quạt đặng ngày gió xuân
Chuôn chuôn đậu ngọn mía mừng
Thương không ai biết, ghét đừng ai hay
Hồi khi mô trâu thuốc liền tay
Ngồi gằn không đặng hưởng chi nay em có chồng
rồi
Rượu không men (biết) mấy thuở rượu nồng
Bề mô ta cũng trọng, nghĩa bên chồng ta hơn
Mấy lời thề hải minh sơn⁴¹
Nói chơi với bạn (chớ) ta trả công ơn cho bạn rồi
Biểu bạn đừng than đấng, thở ngời
Bạn có khóc đau bụng bạn, ta đây có chồng rồi thời thôi
Chim kêu Miếu Một, (mà) gà gáy Giếng Đôi⁴²*

⁴¹ **Thề hải minh sơn:** nhìn núi, nhìn biển mà thề.

⁴² **Miếu một, giếng đôi:** **Miếu một:** Nơi thờ Nguyễn Phục, đỗ Tiến sỹ khoa Kỷ Dậu (1453) đời Lê Nhân Tông. Theo "Ô châu cận lục" của Dương Văn An và "Các nhà khoa bảng Việt Nam" của Ngô Đức Thọ, khi Lê Thánh Tông cất quân vào Nam mở đất, ông được phân công vận chuyển lương thực. Do gió bão ở cửa biển Tư Khách, huyện Tư Vinh, hải trình rất gian khổ, thuyền lương của ông phải trú ẩn không vào kịp châu Rí (nay là vùng cửa biển Đà Nẵng), vua giận vì đến trễ kỳ hạn, sai bắt giam. Bọn cung nhân và cận thân dèm pha với vua xin giết đi. Đến lúc vua hiểu ra, truyền chỉ tha tội thì ông đã bị chém đầu. Từ đó thường linh ứng. Vua Lê Thánh Tông biết sự việc bị nhảm, cho lập miếu thờ. Thời Lê Hiến Tông tặng ông bốn chữ "Văn trung chính nghị". Tại ngã ba Mỹ Thị (ngã ba sông Hàn - Cẩm Lệ - Cổ Cò), có miếu thờ ông (nay không còn). Làng Lỗ Giáng xã Hòa Đa, (Hòa Xuân, huyện Hòa Vang) tôn ông là Thành hoàng của làng. Tại đình làng còn sắc phong ông, thời Minh Mạng có ghi: "Quý dậu khoa tân sỹ Tùng giang chi vận tướng quân chi thần". **Giếng đôi:** khác với giếng bông ở phường Nại Hiên, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. Giếng đôi trước và nay thuộc phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Từ đường phố Phan Thanh rẽ vào kiệt K 152 chừng 2 mét là gặp giếng đôi. Giếng rộng, trông như hai cái đứng gần nhau. Xưa, giếng cung cấp nước cho cả làng Thạc Gián, hằng năm vẫn "vạn mạch lai sinh". Nay giếng đôi đã bị lấp, mặt bằng hiện là một cơ sở sản xuất bánh mì. (Trước trường Đại học Duy Tân, Tp Đà Nẵng). Cũng có **Giếng đôi** tại thôn Tư Phú, xã Điện Quang, huyện Điện Bàn (thuộc vùng Gò Nổi), tỉnh Quảng Nam. Nay không còn.

*Điều can thường khổ lắm ai ơi
Dứt đi cũng tội, thương thì khó thương
Bề mô em cũng theo chồng
Chàng về kiếm vợ, đừng đợi trông mà phiền.*

*-Đói lòng ăn hột chà là
Để cơm nuôi mẹ dưỡng già đôi năm
Ví dầu của vạn tiền trăm
Chàng không nhớ thuở chàng nằm trong nôi
Chẳng thà lu lạp thời thôi
Nói ra thiếp đứng chàng ngồi không yên
Gió hiu hiu, gió thổi thường xuyên
Trăm vui về bạn, ngàn phiền về ta.*

(còn nữa)